

VIỆN NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ KINH TẾ TRUNG ƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN – TƯ LIỆU

PHÁT TRIỂN CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ PHI NÔNG NGHIỆP
Ở NÔNG THÔN

MỤC LỤC

I. NHẬN THỨC CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ PHI NÔNG NGHIỆP	2
1. Nhận thức chung về kinh tế nông thôn và hoạt động kinh tế phi nông nghiệp ở nông thôn.....	3
<i>1.1. Nhận thức chung về kinh tế nông thôn.....</i>	<i>3</i>
<i>1.2. Nhận thức chung về hoạt động kinh tế phi nông nghiệp ở nông thôn.....</i>	<i>3</i>
<i>1.3. Mối liên hệ giữa khu vực nông nghiệp và phi nông nghiệp</i>	<i>5</i>
<i>1.4. Các yếu tố “kéo” và “đẩy” việc tham gia hoạt động phi nông nghiệp</i>	<i>7</i>
<i>1.5. Các loại hình hoạt động kinh tế phi nông nghiệp ở nông thôn</i>	<i>8</i>
<i>1.5.1 Làng nghề.....</i>	<i>8</i>
<i>1.5.2 Hoạt động tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ phục vụ nông nghiệp</i>	<i>10</i>
<i>1.6 Vai trò của các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp.....</i>	<i>10</i>
2. Kinh nghiệm phát triển hoạt động kinh tế phi nông nghiệp ở nông thôn .	13
<i>2.1 Kinh nghiệm của Trung Quốc trong việc phát triển hoạt động kinh tế phi nông nghiệp.....</i>	<i>13</i>
<i>2.2. Phát triển các ngành nghề phi nông nghiệp ở Hàn Quốc – Sự thành công của chính sách phát triển nguồn nhân lực, đầu tư kết cấu hạ tầng và thúc đẩy công nghiệp hóa – hiện đại hóa nông thôn.....</i>	<i>16</i>
II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG KINH TẾ PHI NÔNG NGHIỆP Ở NƯỚC TA.....	19
1. Chủ trương phát triển hoạt động kinh tế phi nông nghiệp.....	19
2. Thực trạng phát triển hoạt động kinh tế phi nông nghiệp ở Việt Nam..	20

<i>2.1 Hoạt động kinh tế phi nông nghiệp và cơ cấu kinh tế nông thôn.....</i>	<i>20</i>
<i>2.2 Hoạt động kinh tế phi nông nghiệp và sự phát triển của doanh nghiệp, làng nghề các tổ chức sản xuất ở nông thôn</i>	<i>22</i>
<i>2.3 Lao động phi nông nghiệp và cơ cấu lao động ở nông thôn.....</i>	<i>26</i>
<i>2.4 Những vấn đề tồn tại cần giải quyết.....</i>	<i>27</i>
3. Một số kiến nghị về chính sách và biện pháp phát triển hoạt động kinh tế phi nông nghiệp	31

I. NHẬN THỨC CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ PHI NÔNG NGHIỆP

1. Nhận thức chung về kinh tế nông thôn và hoạt động kinh tế phi nông nghiệp ở nông thôn

1.1. Nhận thức chung về kinh tế nông thôn

Nông thôn là khái niệm dùng để chỉ phần lãnh thổ của một nước hay của một đơn vị hành chính mà ở đó sản xuất nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn, dân cư chủ yếu làm nông nghiệp. Kinh tế nông thôn là một khu vực của nền kinh tế gắn liền với địa bàn nông thôn. Nó là một phức hợp những nhân tố cấu thành của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong nông - lâm - ngư nghiệp, cùng với các ngành tiểu - thủ công nghiệp, công nghiệp chế biến và phục vụ nông nghiệp, các ngành thương nghiệp và dịch vụ... tất cả có quan hệ hữu cơ với nhau trong kinh tế vùng và lãnh thổ và trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Kinh tế nông thôn có nội dung rất rộng, bao gồm các ngành, lĩnh vực và các thành phần kinh tế có quan hệ và tác động lẫn nhau. Phát triển kinh tế nông thôn trước hết là phát triển kinh tế nông nghiệp một cách mạnh mẽ và ổn định, tạo tiền đề cho toàn bộ nền kinh tế quốc dân, nhất là cho công nghiệp một cơ sở vững chắc về nhiều phương diện, trước hết là lương thực, thực phẩm, nguyên liệu, vốn và thị trường. Dù cho nền kinh tế các nước có phát triển đến đâu và tỷ lệ lao động làm nông nghiệp giảm xuống do năng suất lao động trong nông nghiệp tăng lên thế nào thì nông nghiệp bao giờ cũng vẫn đóng một vai trò quan trọng. Bên cạnh đó, các ngành công nghiệp nhẹ như chế biến lương thực, thực phẩm, công nghiệp dệt, giấy, đường... phải dựa vào nguồn nguyên liệu chủ yếu từ nông nghiệp. Với việc phát triển đồng bộ các ngành nghề, dịch vụ ở nông thôn, kinh tế nông thôn sẽ tạo ra một khối lượng sản phẩm với giá trị ngày càng tăng và điều đó góp phần giải quyết vấn đề vốn đề công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đồng thời nông nghiệp, nông thôn là thị trường quan trọng của các ngành công nghiệp và dịch vụ.

Có thể nói, sự phát triển của kinh tế nông thôn sẽ góp phần thực hiện có hiệu quả quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa tại chỗ, làm cho các hoạt động ở nông thôn trở nên sôi động hơn. Cơ cấu kinh tế, phân công lao động chuyển dịch đúng hướng có hiệu quả. Công nghiệp gắn bó chặt chẽ với nông nghiệp tại chỗ. Vấn đề đô thị hoá sẽ được giải quyết theo phương thức đô thị hoá tại chỗ. Vấn đề việc làm cho người lao động sẽ được gia tăng ngày càng nhiều trên địa bàn tại chỗ. Trên cơ sở đó, tăng thu nhập, cải thiện từng bước đời sống vật chất và tinh thần của mọi tầng lớp dân cư; giảm sức ép của sự chênh lệch kinh tế và đời sống giữa thành thị và nông thôn, giữa vùng phát triển và vùng kém phát triển.

1.2. Nhận thức chung về hoạt động kinh tế phi nông nghiệp ở nông thôn

Thực tế hiện đang tồn tại nhiều khái niệm, cách hiểu khác nhau về hoạt động kinh tế phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn, đây là một vấn đề phức tạp. Tuy nhiên, hầu hết các khái niệm đều cho rằng, hoạt động kinh tế phi nông nghiệp là một bộ phận của kinh tế nông thôn. Tồn tại song song với các hoạt động nông nghiệp thuần túy.

Theo Lanjouw (2003) hoạt động phi nông nghiệp trong nông thôn là những hoạt động tạo thêm thu nhập trong khu vực nông thôn không thuộc hoạt động nông nghiệp. Steve Winggins (2003) thì cho rằng hoạt động kinh tế phi nông nghiệp là những hoạt động không thuộc các dạng hoạt động nông nghiệp có tính chất nguyên thủy như trồng chọt, chăn nuôi, đánh bắt, săn bắn,... Nói cách khác, hoạt động kinh tế phi nông nghiệp trong nông thôn là các hoạt động tạo ra thu nhập không thuộc vào dạng hoạt động nông nghiệp nguyên thủy. Một cách giản đơn hơn, Dasgupta.N và cộng sự năm 2004 đưa ra quan niệm cho rằng hoạt động kinh tế phi nông nghiệp là bất kỳ hoạt động nào nằm ngoài khu vực nông nghiệp truyền thống, tiêu chuẩn quan trọng nhất để phân biệt hoạt động nông nghiệp và phi nông nghiệp là ở giá trị gia tăng. Một ví dụ mà tác giả này đưa ra là nếu hoạt động sàng sảy hạt lúa mì trước khi đem bán mà mang lại một giá bán cao hơn so với hạt mì không sàng sảy thì hoạt động sàng sảy đó là hoạt động phi nông nghiệp.

Như vậy, có thể thấy khái niệm hoạt động kinh tế phi nông nghiệp là khá rộng, bao gồm toàn bộ các hoạt động sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ tại các cơ sở kinh tế và hộ gia đình ở nông thôn. Hay nói cách khác, hoạt động kinh tế phi nông nghiệp là toàn bộ các hoạt động không liên quan trực tiếp đến sản xuất cây trồng và vật nuôi. Nó bao gồm cả các hoạt động chế biến nông sản tại nhà cũng như hoạt động làm thuê. Sự phân loại này không đề cập đến địa điểm hoạt động đó diễn ra, quy mô của hoạt động, công nghệ được sử dụng cũng như liệu thành phần tham gia chỉ là hộ nông nghiệp hay hộ gia đình có hoạt động phi nông nghiệp. Thực tế, trong một số trường hợp, các nhà nghiên cứu và quản lý phân chia các hoạt động vào các khu vực một cách không thống nhất. Các hoạt động được làm tại nhà với các đầu vào là các loại cây trồng, vật nuôi và được làm ở quy mô nhỏ sử dụng lao động nông nhân là chính đôi khi được xem là hoạt động phi nông nghiệp¹.

¹ Trên thực tế, có người xếp hoạt động chế biến nông sản quy mô hộ gia đình là hoạt động nông nghiệp. Có người đưa cả vị trí hoặc quy mô của sản xuất vào phân loại theo ngành. Các hoạt động này có liên quan mật thiết đến nông nghiệp nhưng về bản chất chúng lại không phải là các hoạt động nông nghiệp. Ngược lại, cũng có một số người lại xếp lao động làm thuê trong nông

Các quan niệm trên đây về hoạt động kinh tế phi nông nghiệp cũng không có nhiều khác biệt so với hoạt động kinh tế phi nông nghiệp ở Việt Nam. Theo Quyết định số 132/2000/QĐ-TTg của Chính phủ Việt Nam ban hành ngày 24/11/2000 về Phát triển hoạt động phi nông nghiệp ở các vùng nông thôn có xác định rằng các hoạt động phi nông nghiệp ở nông thôn được coi là tất cả các hoạt động công nghiệp, các ngành thủ công nghiệp nhỏ và vừa, các dịch vụ sản xuất và đời sống được thực hiện ở khu vực nông thôn, sử dụng các nguồn lực tại địa phương (lao động, đất đai, nguyên vật liệu) và có liên hệ mật thiết với việc phát triển đời sống nông thôn.

Những định nghĩa trên đây tuy đã xác định rõ bản chất của các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp, nhưng trên thực tế khi xác định một đối tượng thuộc hoạt động nông nghiệp hoặc phi nông nghiệp cũng có nhiều khó khăn. Nhiều lao động tham gia đồng thời vào nhiều hoạt động khác nhau, vừa làm nông nghiệp và làm tiểu thủ công nghiệp, vừa làm nông nghiệp vừa đi làm thuê, buôn bán, hoạt động trong thời gian này làm nông nghiệp, nhưng thời gian khác lại đi buôn bán hoặc làm thuê,... Chính vì lẽ đó, ranh giới giữa hoạt động kinh tế phi nông nghiệp và hoạt động kinh tế thuần túy nông nghiệp là tương đối khó xác định. Để làm rõ mức độ phát triển của hoạt động phi nông nghiệp trong nông thôn, các nhà kinh tế khi phân tích hoạt động phi nông nghiệp thường có những các phân tổ theo kiểu kết hợp lao động phi nông nghiệp kiêm nông nghiệp, lao động phi nông nghiệp từ làm với lao động làm thuê, lao động vừa làm nông nghiệp vừa làm thuê, và vừa tự làm phi nông nghiệp hoặc tương tự như vậy.

Hoạt động kinh tế phi nông nghiệp đóng một vai trò quan trọng trong đời sống của các hộ gia đình cũng như đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương và quốc gia, nhưng để “lượng hóa” được vai trò của hoạt động kinh tế phi nông nghiệp, mô tả và phân tích các khía cạnh khác nhau của hoạt động này, phát hiện ra các xu hướng biến đổi nó là một vấn đề nghiên cứu không hề đơn giản và cho tới nay còn chưa được nghiên cứu một cách có hệ thống.

1.3. Mối liên hệ giữa khu vực nông nghiệp và phi nông nghiệp

Như trên đã phân tích, hoạt động kinh tế phi nông nghiệp ở nông thôn là một bộ phận hợp thành của kinh tế nông thôn, gắn liền với nông nghiệp. Mối liên kết giữa hai khu vực nông nghiệp và phi nông nghiệp không hoàn toàn ở nông thôn mà chung cho toàn nền kinh tế. Tuy nhiên, nếu như không xem xét mức độ mạnh, yếu

ng nghiệp (làm ruộng thuê cho người khác) là hoạt động phi nông nghiệp. Cách phân loại như vậy không phản ánh đúng bản chất của tên gọi.

của các mối quan hệ thì có thể coi như đây là mối quan hệ giữa khu vực nông nghiệp và phi nông nghiệp ở khu vực nông thôn.

Hình 1: Các mối liên kết giữa khu vực nông nghiệp và phi nông nghiệp



Nguồn: Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương

Từ sơ đồ trên có thể thấy có các nhóm liên kết chính giữa khu vực nông nghiệp và phi nông nghiệp:

Nhóm liên kết sản xuất: Thể hiện mối liên hệ phụ thuộc lẫn nhau về đầu vào và cả đầu ra của cả hai khu vực nông nghiệp và phi nông nghiệp. Người nông dân cần các sản phẩm của ngành công nghiệp phục vụ cho sản xuất nông nghiệp của mình như cày, cuốc, các dịch vụ cung cấp, phân bón, thuốc trừ sâu... và nhu cầu của người nông dân cho việc chế biến sản phẩm như xay, quay, đóng gói và bán các sản phẩm nông nghiệp. Ngược lại, khu vực sản xuất phi nông nghiệp cũng cần đầu vào là sản phẩm của nông nghiệp cũng như sử dụng đầu ra cho sản xuất nông nghiệp.

Nhóm mối liên hệ về tiêu dùng, trong đó người nông dân mua sản phẩm của khu vực sản xuất phi nông nghiệp phục vụ cho sinh hoạt của họ và ngược lại người sản xuất phi nông nghiệp mua lương thực thực phẩm từ nông dân. Chú ý là trong sơ đồ này đã đơn giản hóa quan hệ sản xuất, người nông dân chỉ là người sản xuất các sản phẩm nông nghiệp và tương tự như vậy người sản xuất phi nông nghiệp chỉ sản xuất các sản phẩm phi nông nghiệp, mặc dù trong thực tế có sự giao thoa, đa dạng hóa sản xuất của cả hai khu vực.

Nhóm liên kết về vốn và lao động, luồng vốn có thể di chuyển giữa hai khu vực. Tiết kiệm của khu vực nông nghiệp có thể được đầu tư cho phát triển phi nông nghiệp. Ngược lại, ở một thời điểm nào đó thu nhập từ phi nông nghiệp có thể được

sử dụng cho nông nghiệp. Năng suất lao động trong nông nghiệp tăng lên vừa có thể giải phóng lao động vừa có thể tăng tỷ lệ lương trong khu vực phi nông nghiệp do mức thu nhập trung bình của khu vực nông nghiệp được tăng lên, đòi hỏi mức lương của khu vực phi nông nghiệp cũng phải tăng cao mới thu hút được lao động. Ngược lại năng suất lao động tăng lên trong khu vực phi nông nghiệp có thể hạn chế dòng lao động từ nông nghiệp chuyển sang do cầu về lao động giảm. Điều này có nghĩa rằng nó tác động cả lên hoạt động nông nghiệp và phi nông nghiệp.

Nhóm mối quan hệ về chia sẻ rủi ro: Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng tham gia vào hoạt động phi nông nghiệp là một hành vi để chia sẻ rủi ro. Do bản chất của hoạt động nông nghiệp phụ thuộc vào thời tiết vì vậy thường chứa đựng nhiều yếu tố rủi ro và người nông dân thường đa dạng hóa hoạt động của mình không đơn giản chỉ vì năng suất lao động phi nông nghiệp cao hơn mà còn là đỡ rủi ro hơn. Việc chia sẻ rủi ro giữa hai khu vực được xem là một lý do quan trọng thúc đẩy sự tham gia các hoạt động phi nông nghiệp của người nông dân. Mặc dù vậy, cũng nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng chia sẻ rủi ro không phải là nguyên nhân chính mặc dù nó thường được nhắc đến khi xem xét yếu tố xác định đến sự đa dạng hóa thu nhập của người nông dân, chính hoạt động phi nông nghiệp cũng tiềm ẩn rất nhiều rủi ro.

1.4. Các yếu tố “kéo” và “đẩy” việc tham gia hoạt động phi nông nghiệp

Sơ đồ liên kết hai khu vực ở trên, về mặt bản chất cho phép đưa ra các yếu tố tác động đến dòng chuyển dịch giữa hai khu vực nông nghiệp và phi nông nghiệp. Sự thay đổi của các yếu tố bao hàm trong sơ đồ cũng như sự thay đổi về mức độ liên kết giữa chúng đều có thể dẫn việc chuyển dịch giữa hai khu vực. Sự phát triển của khu vực phi nông nghiệp sẽ làm gia tăng nhu cầu cho khu vực này. Năng suất lao động tăng cao trong khu vực phi nông nghiệp sẽ tăng mức hấp dẫn về mặt thu nhập đối với lao động nông nghiệp chuyển sang nhưng cũng có thể làm hạn chế lao động di chuyển do nhu cầu lao động phi nông nghiệp ít đi (giả sử rằng nhu cầu sử dụng sản phẩm phi nông nghiệp là không đổi hoặc thay đổi chậm hơn với tốc độ thay đổi của năng suất). Các hạn chế trong khu vực sản xuất nông nghiệp (đất đai, năng suất cây trồng vật nuôi...) sẽ làm cho lao động nông nghiệp dư thừa và có nhu cầu chuyển dịch sang khu vực khác.

Trong những năm gần đây, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng hộ gia đình quyết định tham gia vào hoạt động phi nông nghiệp là do hai nhóm yếu tố khác nhau, các yếu tố này đã “kéo” và “đẩy” lao động vào hoạt động phi nông nghiệp.

Reardon (1997) đưa ra các nhân tố “đẩy” sau đây: (1) tăng trưởng dân số, (2) tăng sự khan hiếm của đất có thể sản xuất, (3) giảm khả năng tiếp cận với đất phi

hiệu, (4) giảm độ màu mỡ và năng suất của đất, (5) giảm các nguồn lực tự nhiên cơ bản, (6) giảm doanh thu đối với nông nghiệp, (7) tăng nhu cầu tiền trong cuộc sống, (8) các sự kiện và các cú sốc xảy ra, (9) thiếu khả năng tiếp cận đối với các thị trường đầu vào cho sản xuất nông nghiệp, (10) thiếu vắng các thị trường tài chính nông thôn. Hơn nữa, ông cũng gợi ý các nhân tố “kéo” như: (1) doanh thu cao hơn của lao động phi nông nghiệp, (2) doanh thu cao hơn khi đầu tư vào lĩnh vực phi nông nghiệp, (3) rủi ro thấp hơn của khu vực phi nông nghiệp so với khu vực nông nghiệp, (4) tạo ra tiền mặt để đáp ứng các nhu cầu chi tiêu của gia đình và (5) nhiều cơ hội đầu tư. Tóm lại, nhân tố “kéo” đưa ra những sự hấp dẫn của khu vực phi nông nghiệp đối với người nông dân. Nhân tố đẩy liên quan đến áp lực hoặc các hạn chế của khu vực nông nghiệp buộc nông dân tìm kiếm thu nhập khác nếu họ muốn cải thiện các điều kiện sống của mình.

1.5. Các loại hình hoạt động kinh tế phi nông nghiệp ở nông thôn

Trong phân định hoạt động phi nông nghiệp, các nhà kinh tế phân hoạt động phi nông nghiệp thành hoạt động phi nông nghiệp do áp lực thu nhập và hoạt động phi nông nghiệp do áp lực nhu cầu thị trường theo đó:

- Hoạt động phi nông nghiệp do áp lực thu nhập được xuất phát là do thiếu hụt thu nhập và người nông dân cố gắng tranh thủ thời gian nhàn rỗi để sản xuất các vật phẩm phi nông nghiệp mà không biết thị trường có chấp nhận hay không.
- Hoạt động phi nông nghiệp do nhu cầu thị trường là hoạt động bắt đầu từ các tín hiệu thị trường, người nông bắt đầu chú ý tới việc sản xuất những sản phẩm mà thị trường cần hoặc thiếu. Hoạt động này thể hiện trình độ kinh doanh cao hơn hoạt động phi nông nghiệp do áp lực của thu nhập.

Trên thực tế, hoạt động kinh tế phi nông nghiệp ở nông thôn thường bao gồm các loại hình sau:

1.5.1 Làng nghề

Làng nghề là một thiết chế kinh tế- xã hội ở nông thôn, được cấu thành bởi hai yếu tố làng và nghề, tồn tại trong một không gian địa lý nhất định trong đó bao gồm nhiều hộ gia đình sinh sống bằng nghề thủ công là chính, giữa họ có mối liên kết về kinh tế, xã hội và văn hóa. Làng nghề truyền thống là làng nghề cổ truyền làm nghề thủ công. Ở đây không nhất thiết tất cả dân làng đều sản xuất hàng thủ công. Người thợ thủ công nhiều trường hợp cũng đồng thời làm nghề nông. Nhưng yêu cầu chuyên môn hóa cao đã tạo ra những người thợ chuyên sản xuất hàng truyền thống ngay tại làng quê của mình. Thế nhưng, trải qua nhiều bước phát triển, có thể thấy cho đến nay, (i)

làng nghề không còn bó hẹp trong khuôn khổ công nghệ thủ công, tuy thủ công vẫn là chính, mà một số công đoạn đã được cơ khí hóa hoặc bán cơ khí hóa và (ii) trong các làng nghề, không chỉ có các cơ sở sản xuất hàng thủ công, mà đã có những cơ sở dịch vụ và ngành nghề phục vụ cho sản xuất, như các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ phân phối hàng hóa, cung ứng đầu vào và đầu ra cho sản phẩm làng nghề.

Có nhiều cách thức phân loại làng nghề khác nhau, tuy nhiên phổ biến hai cách phân loại như sau:

(1) Phân loại theo số lượng làng nghề: (i) làng nghề một nghề là những làng ngoài nghề nông ra, chỉ có thêm một nghề thủ công duy nhất; (ii) làng nhiều nghề, là những làng ngoài nghề nông ra còn có thêm một số hoặc nhiều nghề khác.

(2) Phân loại theo tính chất nghề: (i) làng nghề truyền thống là những làng nghề xuất hiện từ lâu đời trong lịch sử và còn tồn tại đến ngày nay; (ii) làng nghề mới là những làng nghề xuất hiện do sự phát triển lan tỏa của các làng nghề truyền thống hoặc du nhập từ các địa phương khác. Một số làng mới được hình thành do chủ trương của một số địa phương cho người đi học nghề ở nơi khác rồi về dạy cho dân địa phương nhằm tạo việc làm cho người dân địa phương mình.

Hộp 1: Tiêu chí phân loại làng nghề ở Việt Nam

Năm 2006, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Thông tư số 116/2006/TT-BNN ngày 18 tháng 12 năm 2006 quy định nội dung và các tiêu chí công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống. Theo đó,

Nghề truyền thống là nghề đã được hình thành từ lâu đời, tạo ra những sản phẩm độc đáo, có tính riêng biệt, được lưu truyền và phát triển đến ngày nay hoặc có nguy cơ bị mai một, thất truyền.

Làng nghề là một hoặc nhiều cụm dân cư cấp thôn, ấp, bản, làng, buôn, phum, sóc hoặc các điểm dân cư tương tự trên địa bàn một xã, thị trấn, có các hoạt động ngành nghề nông thôn, sản xuất ra một hoặc nhiều loại sản phẩm khác nhau.

Làng nghề truyền thống là làng nghề có nghề truyền thống được hình thành từ lâu đời.

Cũng theo Thông tư nói trên, các tiêu chí dùng để công nhận nghề truyền thống, làng nghề và làng nghề truyền thống được quy định như sau:

Nghề được công nhận là *nghề truyền thống* phải đạt 03 tiêu chí sau: (a) nghề đã xuất hiện tại địa phương từ trên 50 năm tính đến thời điểm đề nghị công nhận; (b) nghề tạo ra những sản phẩm mang bản sắc văn hóa dân tộc; (c) nghề gắn với tên tuổi của một hay nhiều nghệ nhân hoặc tên tuổi của làng nghề.

Làng nghề được công nhận phải đạt 03 tiêu chí sau: (a) có tối thiểu 30% tổng số hộ trên địa bàn tham gia các hoạt động ngành nghề nông thôn; (b) hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định tối thiểu 02 năm tính đến thời điểm đề nghị công nhận; (c) chấp hành tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Làng nghề truyền thống được công nhận phải đạt tiêu chí làng nghề và có ít nhất một nghề truyền thống theo quy định tại Thông tư này. Đối với những làng chưa đạt tiêu chí công nhận làng nghề (theo tiêu chí (a) và (b) trên đây) nhưng có ít nhất một nghề truyền thống được công nhận theo quy định của Thông tư này thì cũng được công nhận là làng nghề truyền thống.

Nguồn: Tổng hợp tài liệu

1.5.2 Hoạt động tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ phục vụ nông nghiệp

Ngoài hình thức làng nghề, các hoạt động phi nông nghiệp còn bao gồm các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ,... phục vụ nông nghiệp. Các ngành này bao gồm:

(i) Sản xuất tiểu, thủ công nghiệp ở nông thôn: Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản; Sản xuất vật liệu xây dựng, đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, cơ khí nhỏ ở nông thôn; Xử lý, chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề ở nông thôn.

(ii) Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ.

(iii) Xây dựng, vận tải trong nội bộ xã, liên xã và các dịch vụ khác phục vụ sản xuất và đời sống dân cư nông thôn, nông lâm thủy sản.

Các hoạt động này có thể do các hộ gia đình, cá nhân, các tổ, nhóm hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh,... thực hiện.

1.6 Vai trò của các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp

Hoạt động kinh tế phi nông nghiệp có vai trò và tác dụng nhiều mặt trong công cuộc phát triển nông thôn, đô thị hóa nông thôn, tạo việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống của cư dân nông thôn, trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, góp phần quan trọng phát triển kinh tế, ổn định xã hội, hiện đại hóa nông nghiệp và kinh tế nông thôn, xây dựng xã hội, đời sống và con người ở nông thôn. Vai trò của các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp ở nông thôn được thể hiện ở các điểm sau:

- *Hoạt động kinh tế phi nông nghiệp góp phần tạo ra việc làm cho lao động ở nông thôn:* Đẩy mạnh phát triển các ngành phi nông nghiệp nông thôn được coi là

một giải pháp quan trọng, tạo ra sự tác động kép: Một mặt, tạo ra xung lực mới đưa nền kinh tế nông thôn phát triển lên một giai đoạn cao hơn; mặt khác nó tạo ra những tiền đề để thu hút vốn đầu tư từ nước ngoài. Nếu làm tốt điều này sẽ tạo ra nhiều công ăn làm cho người lao động, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế một cách bền vững. Có thể nói, việc phát triển hoạt động kinh tế phi nông nghiệp là hướng chủ yếu để tạo việc làm cho lao động nông thôn đang là một vấn đề thời sự hiện nay. Các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp sẽ thu hút được một số lượng lớn lao động làm việc thường xuyên lao động nhàn rỗi, ngoài ra, còn tận dụng được số lao động trên và dưới độ tuổi vào những công đoạn thích hợp. Cộng với số lao động chưa đủ việc làm, lao động mất việc làm ở thành phố đang "di chuyển ngược" về nông thôn,... sức ép về việc làm ở nông thôn đang rất lớn. Số lao động ấy phải được thu hút vào các ngành nghề phi nông nghiệp là chủ yếu.

- *Hoạt động kinh tế phi nông nghiệp góp phần làm tăng thu nhập cho người dân ở nông thôn*²: Hoạt động kinh tế phi nông nghiệp là một phần của kinh tế hộ nông dân. Trừ một số hộ chuyên, tất cả các hộ đều tham gia vào buôn bán nhỏ, thủ công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và bán sức lao động. Tất cả các hoạt động ấy bổ sung cho thu nhập của hộ. Ngoài ra, hoạt động kinh tế phi nông nghiệp góp phần quan trọng vào việc tăng giá trị kim ngạch xuất khẩu hàng hóa, là nguồn thu ngoại tệ cho quốc gia. Đẩy mạnh phát triển hoạt động kinh tế phi nông nghiệp ở nông thôn, nâng cao thu nhập và đời sống nhân dân là giải pháp cơ bản để chuyển nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu thành nền kinh tế có cơ cấu công - nông nghiệp - dịch vụ tiên tiến, hiện đại.

- *Thúc đẩy sự hoạt động và phát triển của các lĩnh vực khác trong nền kinh tế*: Các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp phát triển kéo theo sự phát triển của nhiều ngành nghề, dịch vụ khác, qua đó tạo thêm việc làm, thêm thu nhập cho dân cư nhiều vùng nông thôn. Do sản xuất, kinh doanh ngày càng tăng, các dịch vụ như tín dụng, ngân hàng, các dịch vụ khoa học kỹ thuật phục vụ nâng cao năng suất lao động, dịch vụ về đời sống,... cũng có thêm điều kiện phát triển, làm phong phú cuộc sống ở nông thôn.

² Thu nhập trong những ngành sản xuất phi nông nghiệp là yếu tố chính làm tăng thu nhập khu vực nông thôn. Những kết quả điều tra mới đây cho thấy, thu nhập ở các ngành sản xuất phi nông nghiệp chiếm 40-45% mức thu nhập bình quân hộ gia đình ở vùng cận sa mạc Sahara, và 30-40% ở Châu Á. Phần lớn thu nhập phi nông nghiệp được tạo ra nhờ thu hẹp tỷ trọng lực lượng lao động sống tại khu vực nông thôn chứ không phải của những người di cư ra thành phố gửi về.

- *Góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế:* Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa cũng là quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tăng tỷ trọng của ngành công nghiệp, dịch vụ và giảm dần tỷ trọng của ngành nông nghiệp. Trong nội bộ kinh tế nông thôn cũng vậy, tỷ trọng của công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ sẽ tăng lên, tỷ trọng của nông nghiệp sẽ giảm xuống. Phát triển ngành nghề nông thôn, hoạt động kinh tế phi nông nghiệp chính là con đường chủ yếu để chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng đó, chuyển từ lao động nông nghiệp năng suất thấp, thu nhập thấp sang lao động ngành nghề có năng suất và chất lượng cao với thu nhập cao hơn. Mục tiêu nâng cao đời sống của cư dân nông thôn một cách toàn diện cả về kinh tế và văn hóa cũng chỉ có thể đạt được nếu trong nông thôn, có cơ cấu hợp lý của nông thôn mới, có nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ, có nông thôn vận động và phát triển với hệ thống các ngành nghề phi nông nghiệp phát triển bên cạnh ngành nông nghiệp truyền thống.

- *Phát triển hoạt động kinh tế phi nông nghiệp sẽ thúc đẩy ứng dụng khoa học kỹ thuật mới trong nông nghiệp.* Các nhà nghiên cứu đã nhận xét, nông nghiệp không thể phát triển, không thể trở thành kinh tế hàng hóa, và phát triển bền vững nếu không dựa vào khoa học kỹ thuật, song nền sản xuất nhỏ và khoa học kỹ thuật mới là một cặp đối lập, mâu thuẫn, không thể đồng hành. Những người nông dân ít vốn, kinh doanh riêng rẽ, thiếu thông tin, tố chất thấp không có cách nào làm cho khoa học kỹ thuật sự trở thành “nhân tố nhanh nhạy, cách mạng nhất” của sức sản xuất bởi không ứng dụng rộng rãi, khoa học kỹ thuật sẽ không có sức hấp dẫn, không có ý nghĩa hiện thực. Trong điều kiện phát triển mạnh mẽ hoạt động kinh tế phi nông nghiệp, các doanh nghiệp đầu tàu muốn có nguồn hàng ổn định và nguyên liệu chất lượng cao, sẽ phải tập trung sản xuất nguyên liệu và nông sản thô, cung cấp cho nông dân dịch vụ đồng bộ hình thành sản xuất quy mô. Đó là một cơ chế lợi ích mở ra con đường ứng dụng khoa học kỹ thuật và công cụ hiện đại để sản xuất chuyên môn hóa, tạo ra nhu cầu với khoa học kỹ thuật mới.

- *Phát triển các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp không chỉ là phát triển kinh tế theo ý nghĩa thông thường, mà còn là phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc trong tăng trưởng kinh tế:* Trong làng nghề, đã tồn tại từ lâu đời các ngành nghề truyền thống rất đặc biệt, gắn với trí thông minh, bàn tay khéo léo và kỹ thuật tinh xảo của các nghệ nhân được lưu truyền từ hàng trăm năm nay đang được gìn giữ, kế thừa, khôi phục. Có những sản phẩm còn mang dấu ấn thời đại, đặc điểm làng nghề, phong cách nghệ nhân khá đậm nét... Mỗi làng nghề đều có lịch sử phát triển, có sản phẩm vật thể và phi vật thể truyền thống, có những nghệ nhân tiêu biểu. Đã có

những sáng tạo rất đặc biệt trong việc sử dụng nguyên liệu tại chỗ là ra những sản phẩm độc đáo mang sắc thái địa phương.

- Các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp giữ vai trò quan trọng trong việc phát triển du lịch văn hoá giới thiệu với nhân dân trong nước và bạn bè quốc tế những đặc trưng văn hoá, phong tục tập quán của mỗi dân tộc, mỗi làng nghề, làm phong phú thêm các sản phẩm du lịch: Đã có nhiều khu du lịch kết hợp với làng nghề, hình thành những làng nghề du lịch, những điểm và các tuyến du lịch làng nghề, tạo ra những sản phẩm du lịch ngày càng hấp dẫn. Khách du lịch được tận mắt chiêm ngưỡng những tác phẩm thủ công thể hiện bản sắc của từng dân tộc. Nhiều vấn đề về bảo tồn không gian làng nghề, kết hợp du lịch làng nghề với quần thể kiến trúc địa phương (đền, chùa, miếu,...), mở mang đường giao thông, khắc phục ô nhiễm môi trường,... cũng đang được các làng nghề chú trọng xử lý.

2. Kinh nghiệm phát triển hoạt động kinh tế phi nông nghiệp ở nông thôn

2.1 Kinh nghiệm của Trung Quốc trong việc phát triển hoạt động kinh tế phi nông nghiệp

Trung Quốc là nước lớn về nông nghiệp, dân số nông thôn chiếm đến 80%, giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân là mẫu chốt nhằm thực hiện hiện đại hoá Trung Quốc. Thành tựu nổi bật trong đổi mới ở Trung Quốc là xuất phát từ đổi mới trong nông nghiệp và cơ cấu lại kinh tế nông thôn. Ba đặc trưng quan trọng nhất trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn Trung Quốc là phát triển công nghiệp hương trấn, ngành nghề hóa nông nghiệp và thúc đẩy xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn.

Trong những năm đầu của đổi mới, cải cách trong nông nghiệp của Trung Quốc thường đi kèm với phát triển các hoạt động phi nông nghiệp, nhất là công nghiệp hương trấn. Sở dĩ công nghiệp hương trấn của Trung quốc phát triển mạnh do trong thời kỳ đầu hội đủ các yêu cầu về phát triển và đặc biệt là có thị trường tiêu thụ rộng lớn,. Một phần lớn các doanh nghiệp hương trấn hoạt động trong lĩnh vực phi nông nghiệp nhờ đó lao động nông thôn có nhiều cơ hội tiếp cận việc làm, qua đó thay đổi nhanh chóng cơ cấu lao động ở nông thôn.

Trong bối cảnh chuyển sang kinh tế thị trường, mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế, bản thân nông nghiệp của Trung Quốc cũng phải tự đổi mới để thích nghi để giải quyết mâu thuẫn vốn có giữa sản xuất nhỏ lẻ của nông dân với những thay đổi nhanh chóng và khó dự báo trước của thị trường. Qua một số thử nghiệm và chọn lọc, Trung Quốc đưa ra chính sách về “ngành nghề hóa nông nghiệp” nhằm

tìm lời giải cho phát triển nông nghiệp và nông thôn Trung Quốc. Ngành nghề hóa nông nghiệp ở Trung Quốc được hiểu là việc tổ chức kết hợp giữa nông hộ với công ty hoặc nông hộ kết hợp với tập thể, nông hộ cùng với các tổ chức kinh tế khác tiến hành liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, kết hợp giữa nông nghiệp-công nghiệp và thương mại, kết nối các khâu thành một dây chuyền. Ngành nghề hóa nông nghiệp ở Trung Quốc bao gồm 5 đặc trưng cơ bản sau:

Một là, nhất thể hóa ngành nghề, liên kết hữu cơ giữa các ngành nông nghiệp trước sản xuất, trong sản xuất và sau sản xuất; thực hiện nhất thể hóa thương mại, gia công và chế biến nông sản hàng hóa, liên kết nhiều nông hộ sản xuất nhỏ với thị trường lớn, liên kết giữa công nghiệp tiên tiến và nông nghiệp truyền thống, liên kết thành thị với nông thôn, thúc đẩy chuyên môn hóa sản xuất, dịch vụ hóa xã hội, kết nối các khâu sản xuất - gia công - vận chuyển - tiêu thụ nông sản hàng hóa thành một dây chuyền cùng thúc đẩy và phối hợp phát triển;

Hai là, chuyên môn hóa các khâu trong dây chuyền từ sản xuất tới tiêu thụ nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế và hiệu quả tổng thể của ngành nghề hóa nông nghiệp;

Ba là, thương phẩm hóa, hàng hóa làm ra nhằm phục vụ trao đổi trên thị trường, lấy thị trường làm hướng đích cuối cùng;

Bốn là, quản trị hóa xí nghiệp, dùng biện pháp quản lý xí nghiệp theo kiểu công nghiệp để quản lý nông nghiệp từ đó làm cho lối sản xuất phân tán, tiểu nông của các hộ nông dân dần đi vào tiêu chuẩn hóa, tổ chức tiêu thụ nông sản một cách khoa học để tối đa hóa lợi nhuận cho nông dân;

Năm là, xã hội hóa dịch vụ, đi vào thúc đẩy kết hợp chặt chẽ các yếu tố sản xuất, cung cấp dịch vụ toàn diện cho các khâu trong dây chuyền ngành nghề hóa.

Con đường phát triển ngành nghề hóa nông nghiệp ở Trung Quốc được tóm tắt một cách khái quát là căn cứ vào đòi hỏi của sản xuất lớn hiện đại hóa, theo chiều dọc thì nhất thể hóa các khâu sản xuất – chế biến – tiêu thụ; theo chiều ngang thì thực hiện kinh doanh theo chiều sâu các yếu tố sản xuất như vốn, kỹ thuật, nhân tài,... hình thành cục diện kinh doanh chuyên môn hóa sản xuất, thương phẩm hóa sản phẩm, xã hội hóa dịch vụ.

Phát triển ngành nghề hóa nông nghiệp Trung Quốc được tiến hành theo 5 hình thức chủ yếu là:

- Doanh nghiệp kết hợp với hộ gia đình: Công ty đóng vai trò là đầu tàu làm thành thực thể kinh tế kinh doanh từ sản xuất đến chế biến, tiêu thụ;

- Tổ chức kinh tế hợp tác kết hợp với hộ gia đình nông thôn: Các tổ chức kinh tế hợp tác thông qua các tổ chức trung gian, mạng lưới dịch vụ, liên hệ với đông đảo các nông hộ thực hiện gắn kết các khâu sản xuất, chế biến, tiêu thụ.

- Hiệp hội kỹ thuật chuyên ngành nông nghiệp kết hợp với hộ gia đình nông thôn: Hiệp hội cung cấp cho nông dân toàn bộ hoạt động từ thông tin khoa học kỹ thuật, kỹ thuật sản xuất; tư liệu sản xuất vận chuyển, tiêu thụ,...

- Hợp tác xã kết hợp với hộ gia đình nông thôn: Hợp tác xã do một hoặc nhiều hộ, hoặc các tập thể, các công ty cổ phần tạo thành, hoạt động theo kiểu hình thành những ngành nghề chủ đạo, dần dần kinh doanh quy mô hóa;

- Thị trường bán buôn chuyên ngành kết hợp hộ gia đình nông thôn: Thị trường bán buôn hướng dẫn nông dân để điều chỉnh sản xuất theo đòi hỏi của thị trường, phục vụ các khâu trước, trong và sau sản xuất nông nghiệp bao gồm cung cấp thông tin thị trường, giống, tư liệu sản xuất,...

Các nhà nghiên cứu cho rằng, ngành nghề hóa nông nghiệp chính là chiếc “chìa khóa đa năng” mở ra được nhiều cánh cửa lâu nay khó mở, sẽ hóa giải được nhiều nhân tố kìm hãm sự phát triển của nông nghiệp, nông thôn Trung Quốc vì:

Thứ nhất, đây là lối thoát cơ bản để giải quyết mâu thuẫn giữa sản xuất nhỏ và thị trường lớn. Nền sản xuất nhỏ do chủ thể phân tán, yếu kém, cơ sở mỏng manh nên khó đối phó với rủi ro thị trường, không nắm bắt được các thông tin của thị trường, dẫn đến sản xuất mù quáng, khó sử dụng kỹ thuật mới, giá thành sản phẩm cao. Phát triển kinh doanh ngành nghề hóa sẽ có thể bù đắp những thiếu sót trên.

Thứ hai, đây là biện pháp chiến lược để nâng cao hiệu quả tổng hợp của nông nghiệp, góp phần tăng thu nhập cho nông dân. Sản xuất nông nghiệp nhờ gắn bó với các khâu gia công, tiêu thụ nên không ngừng tăng giá trị nhất là các công đoạn chế biến,... mà giá trị gia tăng lớn hơn đến mấy lần. Đồng thời, lượng công việc trong lĩnh vực nông nghiệp cũng tăng lên, góp phần nâng cao thu nhập cho nông dân.

Thứ ba, làm cho cơ cấu nông nghiệp và nông thôn được điều chỉnh để đạt hiệu quả cao nhất, thu nhiều giá trị nhất.

Thứ tư, mở ra con đường hết sức rộng rãi cho việc chuyển dịch lao động ở nông thôn và đô thị hóa ở nông thôn. Thực hiện kinh doanh phi nông nghiệp sẽ hình thành hàng loạt các doanh nghiệp chế biến, vận chuyển, tiêu thụ nông sản, thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp dân doanh, góp phần quan trọng giải quyết cho hàng triệu lao động vốn chỉ quanh quẩn trên những thửa ruộng nhỏ bé ở nông thôn.

Thứ năm, thúc đẩy ứng dụng khoa học kỹ thuật mới trong nông nghiệp.

Trong các hình thức trên, vai trò của công ty doanh nghiệp, hợp tác xã hay hiệp hội khoa học kỹ thuật, trang trại,... luôn có tác dụng hướng dẫn, tổ chức và phục vụ các hoạt động nông nghiệp. Trong hai thập kỷ qua, chính sách về ngành nghề hóa nông nghiệp đã mang lại thành tựu quan trọng. Từ năm 1997 đến 2001 số tổ chức kinh doanh ngành nghề hóa nông nghiệp đã tăng từ 11.834 lên hơn 66.000 với các loại hình tổ chức này ngày càng đa dạng. Đến năm 2002 số các tổ chức ngành nghề hóa nông nghiệp đã lên tới 94.000, trong đó phân theo ngành gồm: trồng trọt 44,8%, chăn nuôi 24,1%, thủy sản 8,2%, lâm nghiệp 10,4% và các loại hình khác 10,5%. Về hình thức liên kết, phương thức hợp đồng chiếm 51,9%, hợp tác 12,6%, cổ phần 13,3% và các phương thức khác khoảng 20%. Các tổ chức ngành nghề hóa nông nghiệp đã thu hút được 7,2 triệu hộ nông dân tham gia (chiếm 30,5% tổng số hộ nông dân toàn quốc).

Bên cạnh những hoạt động trên, Chính phủ Trung Quốc còn rất chú trọng đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng ở nông thôn nhằm thúc đẩy các hoạt động phi nông nghiệp. Thực hiện chủ trương tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng cho nông thôn, trong giai đoạn từ 2002 đến 2007, Chính phủ Trung Quốc đã đầu tư tổng cộng 1.600 tỷ NDT cho tam nông, trong đó đầu tư vào xây dựng cơ sở hạ tầng là 300 tỷ NDT, đồng thời các địa phương cũng tăng cường đầu tư thêm. Với những đầu tư này, giai đoạn từ 2002 -2007 Trung Quốc đã xây mới và cải tạo 1,3 triệu km đường nông thôn, mạng lưới điện đã phủ rộng tới 95% dân số nông thôn, còn 5% nữa sẽ thông qua các biện pháp khác để cung cấp điện. Hiện nay ở Trung Quốc đã có khoảng 87% thôn hành chính thông xe khách và tỷ lệ này sẽ còn được nâng cao trong những năm tới đây.

Năm 2009, theo tinh thần của Văn kiện số 1 “Một số ý kiến của Trung ương Đảng và Quốc vụ viện Trung Quốc về việc thúc đẩy ổn định phát triển nông nghiệp năm 2009, nông dân tiếp tục tăng thu nhập” trọng tâm công tác xây dựng cơ sở hạ tầng ở nông thôn Trung Quốc tiếp tục tập trung vào việc: điều chỉnh quy hoạch tăng cường đầu tư; mở rộng diện tích bao phủ cung cấp điện; tăng cường đầu tư tài chính cho việc xây dựng đường sá nông thôn; xây dựng chế độ trợ cấp vận tải ở nông thôn.

2.2. Phát triển các ngành nghề phi nông nghiệp ở Hàn Quốc – Sự thành công của chính sách phát triển nguồn nhân lực, đầu tư kết cấu hạ tầng và thúc đẩy công nghiệp hóa – hiện đại hóa nông thôn.

Quá trình phát triển các tập đoàn kinh tế lớn ở Hàn Quốc luôn đi cùng với phát triển công nghiệp quy mô nhỏ theo hình thức vệ tinh ở nông thôn phục vụ cho các

tập đoàn công nghiệp. Nhờ đi bằng cả hai chân như vậy, Hàn Quốc không chỉ giải được bài toán về kinh tế mà cả bài toán về công bằng xã hội. Nông thôn Hàn Quốc đã có những thay đổi rất lớn cả về kinh tế và xã hội do ảnh hưởng của tăng trưởng kinh tế nhanh, phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp, hướng vào xuất khẩu đã thu hút một lượng lớn lao động nông thôn ra thành thị, giải quyết cơ bản tình trạng thất nghiệp trong nông thôn. Chiến lược mà Hàn Quốc áp dụng là tập trung mọi nguồn lực cho phát triển công nghiệp và nhờ công nghiệp phát triển để tích lũy cho nền kinh tế. Chính sự tích lũy này đã làm tiền đề cho xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn và đẩy mạnh công nghiệp hóa – hiện đại hóa nông thôn ở Hàn Quốc.

Chính sách phát triển nguồn nhân lực:

Trong vòng 25 năm qua, tại Hàn Quốc lao động nông nghiệp giảm bình quân hàng năm 1,9%, dân số nông thôn giảm bình quân 2,7% và đã xảy ra xu hướng ngày càng nhiều người dân từ bỏ làm nông nghiệp nhưng vẫn sinh sống ở nông thôn. Quá trình công nghiệp hóa đã thu hút khối lượng lớn lao động nông nghiệp đặc biệt là lao động trẻ. Năm 1990 lực lượng lao động nông nghiệp có 16,4% là thanh niên, đến năm 1995 chỉ còn 13%. Nguyên nhân chính là thanh niên tìm kiếm được cơ hội việc làm trong ngành công nghiệp và dịch vụ. Lực lượng lao động nông nghiệp ngày một già đi.

Hàn Quốc đã thực hiện chính sách nguồn nhân lực trong nông nghiệp nhằm nâng cao năng suất lao động nông nghiệp. Từ đó rút dần lao động trẻ ra khỏi nông nghiệp. Chính sách này tập trung vào ba chương trình lớn đó là: Chương trình hỗ trợ trang trại gia đình; Chương trình hỗ trợ các doanh nghiệp kinh doanh nông nghiệp và Chương trình hỗ trợ giáo dục và đào tạo. Mục tiêu của các chính sách này là nhằm bảo vệ và hỗ trợ cho các nhà kinh doanh nông nghiệp có trình độ, kỹ năng canh tác, các công ty kinh doanh nông nghiệp, những người có khả năng thúc đẩy năng suất và quản lý việc canh tác một cách hiệu quả và ổn định.

Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn:

Phong trào làng mới (Saemaul Undong) một phong trào xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn với phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm đã được triển khai rất thành công ở Hàn Quốc. Việc phát triển công nghiệp nông thôn dựa vào phát triển các nhà máy vệ tinh của các tập đoàn kinh tế. Sự nối kết này cũng chính là sự nối kết giữa nông thôn và thành thị theo nguyên tắc thành thị phát triển sẽ đem đến sự phồn thịnh cho nông thôn. Đầu tư của Chương trình được tập trung vào xây dựng cơ sở hạ tầng nhằm giúp cho hình thành các doanh nghiệp nhỏ đồng thời làm tăng năng suất nông nghiệp, làm ổn định đời sống của người dân làm nông nghiệp,

không tạo ra các mâu thuẫn khi lao động được rút sang hoạt động phi nông nghiệp. Chương trình Làng mới sử dụng chiến lược tiếp cận từ trên xuống trong lập kế hoạch nhưng triển khai thực hiện lại từ dưới lên một cách dân chủ với sự tham gia đóng góp cả tài chính vào lao động của người dân địa phương. Nhà nước chỉ đầu tư một khối lượng nhỏ ban đầu bằng hiện vật như xi măng và sắt thép. Cũng chính Chương trình này đã làm cho công nghiệp xi măng và sắt thép của Hàn Quốc phát triển mạnh mẽ trong thời kỳ đầu.

Phát triển công nghiệp hóa nông thôn:

Nông nghiệp truyền thống của Hàn Quốc là sản xuất quy mô nhỏ, lúa là cây trồng chính. Vì thế ngoài mùa vụ nông nghiệp, nông dân còn thực hiện các hoạt động tạo thu nhập phi nông nghiệp khác để có thêm thu nhập trang trải chi tiêu cho gia đình. Ngay những năm đầu của thập kỷ 60, Hàn Quốc đã có chính sách khuyến khích phát triển các hoạt động này để thu hút lao động nông nhàn trong đó chính sách tập trung vào khuyến khích các hoạt động chế biến nông sản và các tài nguyên thiên nhiên tại địa phương. Chính phủ cung cấp vốn và hỗ trợ kỹ thuật đối với các hoạt động tạo việc làm phi nông nghiệp và việc tổ chức sản xuất theo hình thức hợp tác.

Nhờ đẩy mạnh đầu tư phát triển, công nghiệp ở đô thị đã đạt mức toàn dụng về quy mô vào những năm 1970, vì vậy các nhà máy được khuyến khích chuyển về khu vực nông thôn để giải quyết việc làm và tạo thêm thu nhập phi nông nghiệp cho nông dân; chính phủ đã lên kế hoạch đưa ít nhất một nhà máy về một làng. Những nhà máy đưa về vùng nông thôn được nhận ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, được nhận hỗ trợ xây dựng nhà máy và cơ sở hạ tầng. Tuy nhiên, thực hiện chính sách di dời nhà máy về nông thôn theo phương châm “mỗi làng một nhà máy” không đạt được như mục tiêu đề ra do chi phí quá cao về xây dựng cơ sở hạ tầng để đặt nhà máy tại từng làng. Hơn nữa do các nhà máy phân tán trên các vùng nông thôn làm nảy sinh chi phí cho công tác marketing cũng như tiếp cận các dịch vụ cần thiết khác về ngân hàng, thông tin cho sản xuất và thị trường, thu hút công nhân lành nghề...

Dự án phát triển cụm công nghiệp nông thôn đầu tiên được thực hiện vào năm 1984 và là dự án đầu tiên trong triển khai thực hiện Luật Phát triển nguồn thu nhập phi nông nghiệp. Nhờ rút ra bài học kinh nghiệm từ chính sách hỗ trợ đưa nhà máy về từng làng ở nông thôn của thập kỷ trước, dự án phát triển cụm công nghiệp ở nông thôn giúp giảm chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng, từng nhà máy trong cụm công nghiệp cũng giảm được chi phí hoạt động nhờ sử dụng các trang thiết bị dùng chung. Chính quyền địa phương thiết kế xây dựng các cụm công nghiệp theo quy định của luật pháp, sau khi xây dựng xong cơ sở hạ tầng tại cụm công nghiệp, chính

quyền địa phương bán mặt bằng trong cụm công nghiệp cho nhà đầu tư đến xây dựng nhà máy. Các dự án công nghiệp về nông thôn được hưởng ưu đãi về miễn giảm thuế trong một số năm và nhận được hỗ trợ tài chính ưu đãi từ Chính phủ. Các dự án này đã góp phần quan trọng vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn và nhất là góp phần quan trọng vào chuyển dịch cơ cấu lao động ở nông thôn Hàn Quốc.

II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG KINH TẾ PHI NÔNG NGHIỆP Ở NƯỚC TA

1. Chủ trương phát triển hoạt động kinh tế phi nông nghiệp

Nhận thức được vai trò quan trọng của các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp, Chính phủ Việt Nam đã có nhiều chủ trương và biện pháp nhằm khuyến khích sự phát triển của lĩnh vực này trong giai đoạn vừa qua. Cụ thể:

Một là, Chính phủ có quy hoạch và định hướng phát triển các cơ sở ngành nghề phi nông nghiệp ở nông thôn theo cơ chế thị trường, bảo đảm phát triển bền vững, giữ gìn tốt vệ sinh môi trường nông thôn, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn; đồng thời có quy hoạch các cơ sở ngành nghề truyền thống phải gắn với phát triển ngành du lịch văn hóa. Chính phủ có chính sách khuyến khích việc tiêu thụ và sử dụng các sản phẩm ngành nghề nông thôn, nhất là các sản phẩm sử dụng nguồn nguyên liệu tự nhiên trong nước (gỗ, mây, tre, lá...) nhằm hạn chế một phần tác hại đến môi trường của các sản phẩm chất thải hoá chất nhựa công nghiệp.

Hai là, Chính phủ khuyến khích, tạo điều kiện và có chính sách bảo vệ quyền lợi hợp pháp các cơ sở sản xuất, kinh doanh ngành nghề phi nông nghiệp ở nông thôn, nhất là ngành nghề truyền thống nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, thu hút nhiều lao động, góp phần giải quyết việc làm ở nông thôn, xoá đói, giảm nghèo, giữ gìn và phát huy giá trị văn hoá dân tộc.

Ba là, Chính phủ bảo hộ quyền lợi hợp pháp, bảo vệ quyền sở hữu về tài sản, bí quyết công nghệ, phát minh sáng chế, bản quyền và quyền sở hữu công nghiệp, mẫu mã, kiểu dáng công nghiệp của cá nhân, tổ chức đầu tư phát triển ngành nghề phi nông nghiệp ở nông thôn.

Bốn là, Chính phủ khuyến khích việc tự nguyện thành lập các hiệp hội theo ngành nghề hoặc theo địa phương nhằm hỗ trợ thiết thực cho các cơ sở ngành nghề phát triển, phản ánh tâm tư nguyện vọng của cơ sở, tham gia ý kiến với cơ quan Nhà nước trong việc hoạch định cơ chế, chính sách phát triển ngành nghề phi nông nghiệp ở nông thôn.

Năm là, Chính phủ khuyến khích và tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân huy động các nguồn lực xã hội triển khai các hoạt động trợ giúp, tư vấn, thông tin, tiếp thị, đào tạo nghề, khuyến công, nghiên cứu công nghệ, kiểu dáng, mẫu mã cho phát triển ngành nghề ở nông thôn.

Sáu là, tạo điều kiện thuận lợi cũng như các ưu đãi về đất đai, thuế, tín dụng, tiếp cận thông tin thị trường tiêu thụ sản phẩm, về áp dụng khoa học công nghệ cho các cơ sở hoạt động kinh tế phi nông nghiệp ở nông thôn.

Có thể thấy, Chính phủ đã có nhiều biện pháp nhằm khuyến khích sự hình thành và phát triển của hoạt động kinh tế phi nông nghiệp. Bên cạnh đó, Nghị quyết Trung ương về nông nghiệp đã đưa ra chủ trương thực hiện chương trình “mỗi làng một nghề”, đây được coi là con đường ổn định và bền vững nhất cho hoạt động phi nông nghiệp ở nông thôn. Theo đó, mỗi làng sẽ hình thành và phát triển ít nhất một nghề đem lại thu nhập ổn định cho người dân. Ngoài ra, các địa phương có điều kiện xây dựng và đưa vào hoạt động ổn định ít nhất một làng nghề, hoặc trung tâm hỗ trợ phát triển nghề phi nông nghiệp. Phát triển các nghề phi nông nghiệp nói chung, các nghề thủ công nói riêng là một trong những giải pháp quan trọng để phát triển kinh tế nông thôn. Mặt khác, việc này còn tạo điều kiện để nông dân “ly nông, bất ly hương; nhập xưởng, bất nhập thành” (từ bỏ nghề nông nhưng không phải xa quê hương; trở thành công nhân nhưng không phải vào thành phố). Đây cũng là một trong những biện pháp sử dụng nguồn lực tự nhiên ở khu vực này một cách hiệu quả, góp phần bảo tồn, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, khâu quan trọng làm nên sự khác biệt của mỗi quốc gia trong quá trình hội nhập.

2. Thực trạng phát triển hoạt động kinh tế phi nông nghiệp ở Việt Nam

Công cuộc cải cách kinh tế Việt Nam được khởi xướng từ giữa những năm 1980 đã và đang mang lại những thay đổi căn bản trong kinh tế - xã hội khu vực nông thôn. Các chính sách giao đất cho nông dân, loại bỏ những rào cản buôn bán trao đổi hàng hóa, khuyến khích đầu tư vào phát triển kinh tế tư nhân đã tạo đà cho sự phát triển của kinh tế nông nghiệp và tiếp theo đó là sự phát triển các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp. Những năm qua, hoạt động kinh tế phi nông nghiệp đóng vai trò quan trọng trong đời sống của các hộ gia đình cũng như đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương và quốc gia trong giai đoạn đầu của sự phát triển nhất trong các vùng nông thôn lạc hậu.

2.1 Hoạt động kinh tế phi nông nghiệp và cơ cấu kinh tế nông thôn

Nhờ sự phát triển mạnh mẽ của hoạt động kinh tế phi nông nghiệp, cơ cấu kinh tế nông thôn đã có những chuyển biến tích cực. Từ một nền kinh tế thuần nông, đến năm 2007, trong khu vực nông thôn, công nghiệp và dịch vụ đã chiếm khoảng 60% cơ cấu kinh tế. Tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp ở nông thôn đã tăng từ 17,3% năm 2001 lên 19,3% năm 2007. Nhiều khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các làng nghề đang phát triển nhanh ở nông thôn. Ngành công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản tăng trưởng giai đoạn 2001 đến 2006 ở mức 14,8%/năm, nâng giá trị chế biến nông, lâm sản năm 2007 lên 28% cơ cấu giá trị sản xuất và 14% giá trị xuất khẩu của ngành công nghiệp.

Trong kết cấu kinh tế hộ nông thôn, so với năm 2001, năm 2006 tỷ trọng hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm từ 80,9% xuống còn 70,9%, tỷ trọng hộ công nghiệp và xây dựng tăng từ 5,8% lên 10%; tỷ trọng hộ dịch vụ từ 10,6% lên 14,8%. Tỷ trọng cả hai nhóm hộ công nghiệp, xây dựng và dịch vụ đã tăng 8,4%.

Về thành phần kinh tế, trong các ngành nghề nông thôn hiện nay, kinh tế tư nhân chiếm 71,8%; kinh tế hợp tác chiếm 18,2%; kinh tế nhà nước chiếm 10%. Khu vực kinh tế tư nhân đang có nhiều triển vọng, do suất đầu tư thấp, kinh doanh năng động, hiệu quả cao.

Tuy nhiên, cần phải khẳng định rằng hoạt động kinh tế phi nông nghiệp ở Việt Nam chưa được quan tâm đầu tư đúng mức. Hiện nay, quy mô của công nghiệp nông thôn nhìn chung trên phạm vi cả nước còn nhỏ bé. Theo số liệu thống kê tại một số tỉnh thì công nghiệp nông thôn chỉ chiếm 10% giá trị sản xuất³. Trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp trong suốt hơn 20 năm qua, tỷ trọng trồng trọt/chăn nuôi/công nghiệp - dịch vụ không hề thay đổi với 80% là trồng trọt, 17% là chăn nuôi, 3% là công nghiệp và dịch vụ. Đáng nói là những sản phẩm công nghiệp nông thôn chủ yếu là những sản phẩm truyền thống, sản phẩm tiểu thủ công nghiệp mang nặng tính gia công. Công nghiệp nhiều tầng chưa thấy xuất hiện ở khu vực này.

Ngoài ra, quá trình chuyển dịch cơ cấu nông thôn diễn ra khá chậm so với chuyển dịch cơ cấu kinh tế chung trong cả nước. Vì vậy, thu nhập và điều kiện sống của cư dân nông thôn không được cải thiện so với mức bình quân chung cả nước. Thêm vào đó, đang xuất hiện sự phát triển không đồng đều giữa các vùng. Trong khi tỷ trọng hộ công nghiệp, xây dựng và dịch vụ ở Đồng bằng sông Hồng tăng từ 18% năm 2001 lên 33% năm 2006; ở Đông Nam Bộ từ 33% lên tương ứng 43% thì ở Tây Bắc chỉ tăng từ 6% lên 8%, còn ở Tây Nguyên từ 7% lên 10%.

³ Trong khi đó từ những thập kỷ 60 của thế kỷ XX công nghiệp nông thôn của Đài Loan đã đóng góp 60% cho khu vực nông thôn và đóng góp trên 60% kim ngạch xuất khẩu.

2.2 Hoạt động kinh tế phi nông nghiệp và sự phát triển của doanh nghiệp, làng nghề các tổ chức sản xuất ở nông thôn

Hiện nay, nhiều vùng nông thôn Việt Nam vẫn còn tồn tại phổ biến các hoạt động phi nông nghiệp dưới dạng phân tán, giản đơn song song với các hoạt động nông nghiệp không chỉ trên quy mô làng xã, mà còn ngay trong cả trong các hộ gia đình. Các hoạt động này gồm nhiều hình thức khác nhau từ chế biến nông sản đến sản xuất các loại hàng hóa tiêu dùng như bàn ghế, giường tủ, từ dịch vụ sản xuất nông nghiệp đến vận tải buôn bán nhỏ cấp hộ gia đình, từ tự làm, tự kinh doanh đến làm thuê trong xã và làm thuê ngoài xã. Các hoạt động phi nông nghiệp phân tán này đã có ý nghĩa quan trọng trong việc giải quyết công ăn việc làm trong nông thôn và góp phần cải thiện thu nhập của các hộ gia đình. Bên cạnh kiểu tổ chức hoạt động phi nông nghiệp phân tán, một đặc trưng căn bản của hoạt động phi nông nghiệp và lao động phi nông nghiệp trong nông thôn Việt Nam là tổ chức theo dưới hình thức càng làng nghề, các doanh nghiệp, các tổ chức sản xuất phi nông nghiệp.

- Sự phát triển của các doanh nghiệp phi nông nghiệp ở nông thôn.

Từ khi có Luật Doanh nghiệp, số lượng các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn đã tăng đáng kể. Tuy nhiên, kết cấu kinh tế ở nông thôn vẫn chủ yếu là thuần nông, các hoạt động phi nông nghiệp, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp còn chiếm tỷ lệ nhỏ. Doanh nghiệp ở nông thôn, kể cả doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh, đều có quy mô nhỏ. Nhìn chung công nghệ lạc hậu, trình độ quản lý thấp, tay nghề lao động yếu, những bất lợi về kết cấu hạ tầng, dịch vụ phục vụ sản xuất khiến cho khả năng cạnh tranh của các đơn vị này rất yếu. Đây là nguyên nhân chính khiến cho tỷ lệ đầu tư tư nhân và đầu tư nước ngoài vào nông thôn rất thấp. Đầu tư của tư nhân trong nước vào khu vực nông nghiệp chỉ chiếm khoảng 15% tổng số đầu tư mới hàng năm, FDI cũng chỉ chiếm dưới 5%.

Do doanh nghiệp công nghiệp nông thôn chủ yếu gồm các cơ sở có quy mô dưới 200 lao động nên hàng năm mới thu hút được 22 vạn lao động, đưa tổng số lao động khu vực này là 2.227 triệu người (bằng 52% lao động toàn ngành công nghiệp). Đây cũng là tình trạng chung đối với doanh nghiệp nông nghiệp và dịch vụ ở nông thôn. Tới cuối năm 2007, có 1.244 doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp và 2.074 doanh nghiệp chế biến nông sản ở nông thôn, chỉ chiếm 2,1% tổng số doanh nghiệp, chủ yếu vẫn đóng ở các thị trấn, thị tứ hoặc vùng ven đô thị.

- Thực trạng các làng nghề phi nông nghiệp ở Việt Nam

Sau đổi mới, nhiều làng nghề và làng nghề truyền thống ở Việt Nam được phục hồi và phát triển. Nhiều làng nghề phát triển dưới hình thức các cụm công nghiệp tập trung rất năng động, hiện đại hóa và chuyên môn hóa một số nghề chính và bắt đầu có phân công lao động, chuyển một số hộ nông dân chuyên làm nghề sang thành các doanh nghiệp gia đình nhỏ. Các cụm công nghiệp đã tạo việc làm cho nhiều xã xung quanh, sinh ra hàng trăm doanh nghiệp nhỏ rất năng động. Theo thống kê năm 2004, cả nước có 2.017 làng nghề, trong đó có khoảng 300 làng nghề truyền thống, bao gồm 1,4 triệu cơ sở sản xuất với nhiều loại hình tổ chức sản xuất từ hộ gia đình đến tổ sản xuất, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp tư nhân và các loại hình công ty.

Bảng 1: Số lượng làng nghề tại các vùng lãnh thổ Việt Nam

Vùng lãnh thổ	Số lượng làng nghề
Đồng bằng Sông Hồng	866
Đông bắc bộ	164
Tây bắc	247
Bắc Trung Bộ	341
Nam Trung Bộ	87
Tây Nguyên	0
Đông Nam Bộ	101
Đồng bằng Sông Cửu Long	211
Tổng Cộng	2017

Nguồn: Thống kê năm 2004⁴

Các làng nghề tập trung chủ yếu ở khu vực phía bắc, nơi đây có đến 80% hộ nông dân tham gia làm hàng thủ công. Riêng tỉnh Hà Tây (cũ) có đến 258 làng, được coi là "đất trăm nghề"), nơi có những làng nghề nổi tiếng từ lâu đời như lụa Vạn Phúc, mây tre đan Phú Vinh, khảm Chuyên Mỹ,... Bên cạnh đó, các làng nghề

⁴ Đáng chú ý là từ năm 2004 đến nay, tình hình làng nghề ở các địa phương đã có nhiều thay đổi, nhiều làng nghề đã hình thành, có làng nghề được địa phương công nhận chính thức bằng văn bản, có làng chưa được công nhận chính thức. Song cho đến nay, chưa có thống kê chính thức cập nhật về số lượng làng nghề hiện có trong cả nước; do đó, số liệu hiện đang dùng (2017 làng nghề) có thể thấp so với thực tế (ví dụ, theo số liệu năm 2004, Thừa Thiên-Huế chỉ có 04 làng nghề, nhưng thực tế đã có đến 88 làng nghề).

còn tập trung nhiều ở các tỉnh – thành phố như Hà Nội, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hà Nam, Hưng Yên,...

Làng nghề ở Việt Nam hiện nay có thể chia ra thành 14 nhóm chính như sau: Mây tre đan; kể cả sản phẩm đan lát, bện thủ công (kể cả bàn nghề, nón lá); Cói; Gốm sứ; Sơn mài, khảm trai; Thêu, ren; Dệt (vải, khăn tay, áo, khăn quàng, kể cả dệt thổ cẩm); Đồ gỗ (đồ mộc dân dụng, gỗ mỹ nghệ, điêu khắc gỗ, làm trống); Đá mỹ nghệ; Giấy thủ công; Tranh nghệ thuật (bằng hoa khô, tre hun khói, lá khô, ốc...); hoa các loại bằng vải, lụa, giấy; Trò chơi dân gian (sản xuất và biểu diễn rối cạn, rối nước, tò he); Sản phẩm kim khí (đồ đồng, sắt, nhôm ... sản xuất và tái chế); Chế biến nông sản, thực phẩm (các loại nước chấm, bún bánh, miến dong, đường, mật, mạch nha, rượu, trà, kể cả đóng giày da); Cây cảnh (gây trồng và kinh doanh sinh vật cảnh).

Trong các nhóm làng nghề nói trên, nhóm mây tre đan được phát triển phổ biến nhất, chiếm đến 24% số làng nghề và 25% số lao động trong các làng nghề, do tận dụng nguyên liệu tại chỗ (tre, nứa, mây, song, giang, guột, tế ...); sử dụng nhiều lao động; và có thị trường rộng rãi khắp nước, kể cả xuất khẩu. Tiếp đến là các làng nghề chế biến thực phẩm (các loại nước chấm, nước mắm, tương, rượu, miến, mì sợi, ...), sau đó là các nhóm dệt, thêu. Trên 60% số lao động các làng nghề là nữ, trong đó nghề dệt và thêu có đến 80% là lao động nữ.

Trong các làng nghề hiện nay, đang có nhiều tổ chức sản xuất, kinh doanh rất đa dạng: đó là các loại hình doanh nghiệp (các loại công ty, doanh nghiệp tư nhân), hợp tác xã, tổ sản xuất, hộ gia đình thuộc các lĩnh vực sản xuất, buôn bán, dịch vụ, du lịch. Hoạt động của các tổ chức kinh doanh này (gọi chung là doanh nghiệp) đang trong bước phát triển, năng động, đa dạng, giữ vị trí đặc biệt quan trọng trong công cuộc khôi phục và phát triển làng nghề. Trong các doanh nghiệp đó, cơ cấu như sau: thủ công nghiệp, xây dựng chiếm 33%; chế biến chiếm 27%; dịch vụ chiếm 40% (chủ yếu là cửa hàng bán lẻ).

Một thế mạnh của các làng nghề Việt Nam hiện nay là đã sản xuất các mặt hàng thủ công mỹ nghệ tạo được ấn tượng tốt trong nước và trên thế giới. Trong những năm gần đây, giá trị các mặt hàng thủ công mỹ nghệ của Việt Nam xuất khẩu đạt trung bình 300 triệu USD/năm. Đây là một con số rất có ý nghĩa khi tính về phương diện hiệu suất sinh lời của đồng vốn; Con số này cao hơn nhiều so với các mặt hàng nông sản xuất khẩu của Việt Nam như: gạo, cà phê, cao su,... Theo đánh giá, các mặt hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu mang lại hiệu quả kinh tế rất cao, vì tỷ lệ chi phí trong nước của nó đạt tới 95 - 97%, nghĩa là cứ xuất khẩu 100 đơn vị

thì thu được từ 95 – 97 đơn vị ngoại tệ ròng. Tiềm năng để phát triển các ngành nghề truyền thống trên địa bàn nông thôn vẫn còn rất lớn. Những tiềm năng này nếu được khai thác có hiệu quả sẽ tạ ra những chuyển biến tích cực trong đời sống kinh tế nông thôn. Đưa mức tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu sản phẩm nghề nông thôn đạt 20 – 22%/năm; tăng trưởng bình quân của ngành nghề nông thôn trên 15%/năm. Thu hút 300.000 lao động /năm.

Thời gian gần đây, nhiều tổ chức xã hội dân sự trong các làng nghề đã được tổ chức dưới nhiều hình thức, như hội ngành nghề, hiệp hội (Hiệp hội làng nghề Việt Nam), kể cả câu lạc bộ,... ở nhiều địa phương tạo ra mái nhà chung cho những doanh nghiệp phi nông nghiệp, các cơ sở sản xuất nhằm hạn chế khắc phục những mặt trái của cơ chế thị trường như: Việc cạnh tranh không lành mạnh, hạ thấp uy tín của nhau, gian dối trong tiêu thụ sản phẩm thủ công truyền thống. Hiệp hội thủ công mỹ nghệ, Hiệp hội mây giang đan, Hiệp hội khảm trai, hiệp hội thêu, Hiệp hội đồ gỗ và Hiệp hội sơn mài,... và rất nhiều hiệp hội khác nhau ở các làng nghề. Với tiêu chí hoạt động nhằm mục đích củng cố phát triển làng nghề như: Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề, đề xuất các kiến nghị về vay vốn, tạo mặt bằng sản xuất, tham vấn về mặt kỹ thuật, công nghệ để sản xuất mặt hàng truyền thống có chất lượng cao và sáng tạo mẫu mã mới, đồng thời thường xuyên thông tin, dự báo về thị trường giá cả, phổ biến các văn bản luật đến các hội viên, quảng bá sản phẩm làng nghề... nên sự ra đời của các hiệp hội đã thu hút rất đông hội viên tham gia. Có thể nói sự ra đời và phát triển của các hiệp hội không chỉ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế các doanh nghiệp, làng nghề sản xuất hàng thủ công truyền thống mà còn tạo điều kiện mở rộng thị trường, tăng sức cạnh tranh sản phẩm trong quá trình hội nhập.

Do những thay đổi về thu nhập, thị trường và cơ cấu tiêu dùng, một số làng nghề đã có những bước phát triển tốt và nhiều làng nghề mới ra đời, tuy nhiên một số làng nghề truyền thống đang gặp phải những khó khăn trong quá trình phát triển. Theo số liệu điều tra của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn và cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA), có đến 70% số làng nghề thủ công ở Việt Nam đang thiếu công nghệ, thiếu các chuyên gia giỏi về thiết kế các mẫu mã, kiểu dáng (một yếu tố cực quan trọng để khẳng định vị thế của các sản phẩm thủ công – mỹ nghệ trên thị trường quốc tế; có tới 81,5% làng nghề khó khăn về vốn, nhiều làng nghề thiếu thông tin thị trường. Điều này làm cho việc sản xuất hàng thủ công – mỹ nghệ của ta hết sức thụ động, hoàn toàn phụ thuộc vào các đơn vị đặt hàng của thương nhân, làm chậm trễ việc mở rộng và chiếm lĩnh thị trường.

Ngoài ra, việc thực hiện chủ trương “Mỗi làng một nghề” trong nghị quyết Trung ương về phát triển nông nghiệp cũng gặp rất nhiều khó khăn. Do các quan điểm trong chủ trương đó còn chưa cụ thể, chưa rõ ràng, chưa đi vào thực tiễn, chưa nhận được sự quan tâm đúng mức của các cơ quan có liên quan. Bên cạnh đó, việc phát triển ngành nghề còn mang tính tự phát; thiếu nguồn nguyên liệu ổn định; đặc biệt sự liên kết giữa các làng nghề, nghề nhân, thợ thủ công và các doanh nghiệp trong việc dạy nghề, cung cấp thông tin thị trường chưa chặt chẽ,... Do đó, chủ trương này cũng chưa mang lại hiệu quả như mong đợi.

- Thực trạng phát triển kinh tế phi nông nghiệp của các hộ nông nghiệp

Sau khi áp dụng chính sách đổi mới hơn 20 năm trước đây, kinh tế hộ gia đình nông thôn phát triển mạnh và đến nay hộ nhỏ vẫn là đơn vị sản xuất kinh doanh chủ lực ở nông thôn. Quy mô sản xuất manh mún, không có hình thức liên kết hợp tác với nhau khiến cho sự năng động và khả năng quản lý tài nguyên một cách hiệu quả của các hộ tiểu nông dường như đã đi đến giới hạn phát triển. Phần lớn các hộ tiểu nông không có khả năng tích lũy tái sản xuất mở rộng một cách đáng kể. Vì vậy mức độ áp dụng cơ giới hóa, cải tiến công nghệ, thay đổi kỹ năng trình độ quản lý và tự chuyển đổi cơ cấu rất giới hạn.

Kinh tế hợp tác phát triển rất chậm, chưa đóng vai trò mong đợi trong hỗ trợ hoạt động sản xuất của nông hộ. Năm 2008, cả nước có 7.592 hợp tác xã nông nghiệp, chủ yếu tập trung ở miền Bắc, phần lớn là hợp tác xã cũ chuyển đổi. Số lao động thường xuyên trong hợp tác xã chỉ chiếm 5% tổng lao động nông, lâm, ngư nghiệp. Quy mô vốn, doanh thu, lợi nhuận bình quân của một hợp tác xã chỉ bằng 4% một doanh nghiệp nông lâm thủy sản vốn đã nhỏ yếu. Các hoạt động của hợp tác xã còn rất nghèo nàn, chủ yếu là dịch vụ các yếu tố đầu vào ít có tính cạnh tranh cho sản xuất nông nghiệp của các hộ gia đình (trên 80% hợp tác xã có dịch vụ thủy lợi, trên 43% cung cấp dịch vụ điện, trên 46% cung cấp dịch vụ khuyến nông). Theo đánh giá xếp loại, trên 54% số hợp tác xã hiện nay có hiệu quả hoạt động ở mức trung bình và yếu.

2.3 Lao động phi nông nghiệp và cơ cấu lao động ở nông thôn

Hoạt động phi nông nghiệp đã tạo ra nhiều việc làm và thu nhập cho nông dân và trên thực tế, hoạt động này góp phần quan trọng vào công cuộc xóa đói giảm nghèo trong khu vực nông thôn. Những năm qua, tỷ trọng lao động làm nông nghiệp thuần túy đã giảm từ mức trên 70% xuống còn dưới 60% hiện nay. Trong giai đoạn 2001 - 2006, tỷ lệ lao động nông nghiệp đã giảm 10,4%, trong đó chuyển sang làm công nghiệp - xây dựng 5,1%, làm dịch vụ 4,4%. Cấu trúc việc làm phi

nông nghiệp đang có những thay đổi theo chiều hướng tiến bộ với tỷ trọng lao động làm công, ăn lương, làm thuê chiếm tỷ lệ quan trọng và có xu hướng gia tăng.

Tuy nhiên, trong tình hình lao động nông thôn và số thanh niên đến tuổi lao động cần việc làm vẫn tiếp tục tăng thêm hàng năm ở nông thôn (khoảng hơn 1 triệu người), việc doanh nghiệp nông thôn và đầu tư về nông thôn tăng trưởng chậm tạo nên sức ép to lớn về việc làm và thu nhập của cư dân nông thôn.

Ngoài ra, một bộ phận khá lớn lao động trong nông thôn vẫn chưa có việc làm và thời gian lao động nhàn rỗi trong nông thôn vẫn chưa có những cải thiện rõ rệt. Lao động trong nông nghiệp vẫn chiếm 55,7% so với tổng số lao động trong độ tuổi của cả nước và mới sử dụng 83% thời gian. Trên thực tế, sự phát triển của kinh tế tư nhân nói chung và của kinh tế hộ phi nông nghiệp trong nông thôn Việt Nam nói riêng là còn khá mới mẻ và còn khá nhiều khó khăn điều kiện cơ sở hạ tầng yếu kém, nguồn nhân lực yếu kém chưa được đào tạo, kỹ năng kinh doanh hạn chế, các nhân tố này đang là những cản trở chính cho sự phát triển của hoạt động phi nông nghiệp và lao động phi nông nghiệp trong nông thôn hiện nay.

2.4 Những vấn đề tồn tại cần giải quyết

Trong quá trình phát triển, các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp đang gặp nhiều khó khăn, yếu kém; có những khó khăn do bản thân các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp gây ra và cũng có những khó khăn do thời kỳ mới đặt ra, nhất là trong hội nhập kinh tế quốc tế, với nhiều cơ hội mới đan xen thách thức mới.

Một là, nhận thức về phát triển các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp còn hạn chế, cùng với trình độ phát triển kinh tế nông thôn còn thấp, phân công lao động chưa rõ ràng, nên hầu hết các hộ gia đình nên hoạt động phi nông nghiệp thường đan xen vào các hoạt động nông nghiệp, phân tán trong các hộ gia đình và thường mang lại những khoản thu nhập phụ trợ. Động cơ cơ bản của việc tham gia vào hoạt động phi nông nghiệp là nhằm tận dụng thời gian nhàn rỗi và là do có sự thiếu hụt thu nhập từ hoạt động nông nghiệp. Với với bản chất như vậy người nông dân có thể tham gia vào bất cứ hoạt động phi nông nghiệp nào mà họ có thể bao gồm sản xuất các sản phẩm nông nghiệp giản đơn với các nguyên vật liệu có sẵn tại địa phương, các hoạt động buôn bán hoặc dịch vụ quy mô nhỏ, hoặc đơn giản là đi làm thuê thời vụ, hoặc không thường xuyên.

Hai là, thiếu vốn cho sản xuất, kinh doanh. Đây đang là một khó khăn lớn của hoạt động kinh tế phi nông nghiệp. Mặc dù, Chính phủ đã quy định hoạt động đầu tư và làm hàng xuất khẩu được vay vốn tín dụng đầu tư và vốn tín dụng xuất khẩu,

nhưng thực tế, hầu hết các đơn vị không vay được vốn bởi doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất và cơ sở sản xuất phi nông nghiệp làm hàng xuất khẩu chủ yếu xuất ủy thác qua các công ty xuất nhập khẩu địa phương hoặc ngành hàng. Một số đơn vị tiếp cận được với nguồn vốn ưu đãi nhưng số tiền vay được rất ít.

Bên cạnh đó, thời gian gần đây, để thực hiện chủ trương kiềm chế lạm phát, nhiều ngân hàng phải xiết chặt tiền tệ, hạn chế cho vay. Trước yêu cầu bức xúc của doanh nghiệp phi nông nghiệp, một số ngân hàng đã có động thái quan tâm hơn đến việc cho vay đối với loại hình doanh nghiệp này. Nhưng trên thực tế, các điều kiện để được vay lại khắt khe hơn rất nhiều, từ việc đánh giá các tài sản thế chấp, cầm cố thường quá thấp so với thực tế, việc xem xét phương án kinh doanh và khả năng hoàn trả vốn càng chặt chẽ hơn trước,... Trước tình hình tín dụng chính thức khó khăn, tín dụng "đen" đã xuất hiện, buộc doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực phi nông nghiệp vay nóng với mức lãi suất rất cao. Có những doanh nghiệp buộc phải vay khi đáo hạn để "đào nợ", nếu không thì tài sản sẽ bị xiết nợ, càng nguy ngập thêm.

Ba là, khó khăn về thị trường tiêu thụ, chậm đổi mới về kiểu dáng, mẫu mã. Do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu nên thị trường của các doanh nghiệp, tổ chức hoạt động kinh tế phi nông nghiệp bị thu hẹp, không tìm kiếm được đơn hàng mới, nhiều đơn hàng đã ký nay buộc phải hủy bỏ hoặc bị dẫn tiến độ vì khách hàng không có khả năng thanh toán.... Sức tiêu thụ trên thị trường trong nước cũng giảm sút nặng nề. Các sản phẩm làm ra không có nơi tiêu thụ. Các làng nghề đang phải đối mặt với rất nhiều vấn đề nhức nhối, không ít làng nghề trong thời gian qua đã dần thoát ly sản xuất nông nghiệp, nay lại phải cố gắng quay về với nghề nông "truyền thống".

Ngoài ra, hầu hết các tổ chức hoạt động kinh tế phi nông nghiệp Việt Nam có ít kinh nghiệm trong việc tiếp cận thị trường. Nhiều doanh nghiệp còn rất yếu trong các hoạt động thăm dò, tìm hiểu thông tin thị trường. Doanh nghiệp phi nông nghiệp chưa có đủ kinh nghiệm nghiên cứu thị trường, nhất là thị hiếu của người tiêu dùng về mẫu mã. Đang có khá nhiều doanh nghiệp làm hàng tiểu thủ công nghiệp, thủ công mỹ nghệ xuất khẩu qua trung gian ở các thành phố lớn, không trực tiếp giao dịch với người tiêu thụ, do đó bị thiệt thòi trong giá cả, nhiều khi phải chấp nhận giá mua thấp của doanh nghiệp trung gian.

Nhiều doanh nghiệp chưa chủ động phân khúc thị trường, chưa hướng vào một thị trường cụ thể để chiếm lĩnh nó và có sự thay đổi mẫu mã kịp thời theo yêu cầu của người tiêu dùng luôn tìm sự mới mẻ. Trước đây nhiều người tiêu dùng trên thế giới ưa chuộng hàng thủ công mỹ nghệ Việt Nam, nhưng đến nay, họ không mặn

mà nữa, vì không có sự cải tiến về kịp thời về kiểu dáng, mẫu mã phù hợp với thị hiếu thay đổi của họ. Do đó, vòng đời của một sản phẩm thường rất ngắn. Các mặt hàng phi nông nghiệp thường theo mẫu mã sẵn có, ít sáng tạo; thậm chí đang có nhiều doanh nghiệp cùng sản xuất một loại mẫu mã gây ra cảm giác nhàm chán; khách hàng không có nhiều mặt hàng để lựa chọn.

Bên cạnh đó, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thủ công mỹ nghệ Việt Nam cũng chưa quan tâm đến các dịch vụ cung cấp cho khách hàng, sản xuất đúng thời hạn, tính linh hoạt, các vấn đề hậu cần cũng như các tiêu chuẩn về môi trường và các doanh nghiệp Việt Nam cũng chưa quan tâm đến việc tìm hiểu những đặc điểm về văn hóa của các nước, các khu vực để sản xuất ra những hàng hóa phù hợp hơn.

Bốn là, hoạt động kinh tế phi nông nghiệp chịu nhiều áp lực từ vấn đề lao động – việc làm. Dưới tác động của suy thoái kinh tế, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực phi nông nghiệp ở nông thôn phải thu hẹp sản xuất kinh doanh. Theo đánh giá của Hiệp hội Làng nghề Việt Nam cho thấy, hiện có rất nhiều doanh nghiệp làng nghề đang phải cầm cự hoặc đang thoi thóp, đi cùng với đó là nguy cơ hàng triệu lao động tại các làng nghề có thể mất việc làm. Đó là những lao động chủ yếu làm trong các ngành nghề thủ công như gốm sứ, mộc, gỗ, mây tre đan... Không chỉ thế, làng nghề còn đang đứng trước yêu cầu tạo thêm việc làm cho một lực lượng lao động thất nghiệp không nhỏ chạy về từ thành thị, từ các khu công nghiệp, khu chế xuất... do tình hình khó khăn chung của kinh tế trong nước và trên thế giới; do chi tiêu đắt đỏ, công việc không ổn định, họ buộc phải trở về quê để làm việc. Không có việc làm, không có thu nhập, đời sống gia đình sẽ khó khăn, sức mua sẽ giảm... ảnh hưởng đến các mặt hoạt động văn hoá - xã hội, gây áp lực lớn đến việc thực hiện chính sách an sinh xã hội.

Ngoài ra các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực kinh tế phi nông nghiệp còn đối mặt với tình trạng thiếu lao động có tay nghề, thiếu đội ngũ kế cận. Một khó khăn thực tế của nhiều doanh nghiệp phi nông nghiệp là lao động trẻ, có tay nghề đang rất thiếu; có những làng thanh niên rời làng ra đi kiếm sống bằng các nghề khác, số còn lại ở nông thôn là những người lớn tuổi. Việc truyền nghề cũng chưa được chú trọng, trong khi các nghệ nhân có tay nghề cao đã lớn tuổi; nhiều người thiết tha với nghề, cố gắng truyền nghề cho lớp trẻ nhưng thiếu cơ chế, chính sách khuyến khích. Chính vì thiếu lao động có tay nghề, đã có những sản phẩm làng nghề không giữ được những nét tinh tế truyền thống, có những mặt hàng mai một; cũng do vậy, việc sáng tạo kiểu dáng, mẫu mã mới thiếu điều kiện triển khai.

Năm là, khó khăn về mặt bằng sản xuất. Lâu nay, đất đai dành cho hoạt động kinh tế phi nông nghiệp rất hạn chế. Phần nhiều người dân dùng ngay nhà mình làm cơ sở sản xuất; thuê, mua căn hộ gia đình hoặc cá nhân ở địa phương. Tuy nhiên giá thuê đất cao, việc đền bù cao, khó khăn trong việc giải phóng mặt bằng); thuê lại đất của doanh nghiệp nhà nước hoặc các cơ quan nhà nước (giá cao, thời hạn không chắc chắn,...); vào các khu, cụm công nghiệp (rất ít doanh nghiệp phi nông nghiệp vào được các khu này vì chi phí cao, thủ tục phức tạp),.... Có thể nói, đất cho sản xuất vẫn là một khó khăn lớn nhất của doanh nghiệp phi nông nghiệp. Nguyên nhân chủ yếu là do nhiều địa phương chưa có quy hoạch cụ thể, một số vùng đất có vị trí thuận tiện đã được phân cho các doanh nghiệp nhà nước hoặc doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Sáu là, hầu hết các hoạt động phi nông nghiệp ở nông thôn hiện nay đều mang nặng tính thủ công, trình độ công nghệ thấp, lạc hậu làm cho năng suất lao động của sản phẩm phi nông nghiệp rất thấp, chất lượng sản phẩm khó được nâng cao và giá thành sản phẩm cũng khó hạ thấp. Điều này làm cho giá trị gia tăng của hoạt động kinh tế phi nông nghiệp là rất hạn chế. Song điều quan trọng đáng quan tâm nhất là nhiều ngành nghề phi nông nghiệp vẫn đang áp dụng công nghệ lạc hậu, đây là nguyên nhân chủ yếu gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường nặng nề trong khu vực này, như các làng nghề chế biến thực phẩm, sản xuất gốm sứ, chạm mạ bạc, mây tre đan, sơn mài, điêu khắc đá mỹ nghệ,... hầu hết các sản phẩm đều được sản xuất theo quy trình thủ công bằng các dụng cụ thô sơ tự chế, từ đó phát sinh các chất ô nhiễm; trong đó nghề chế tác đá tạo ra một lượng lớn bụi nguy hại, hoặc như làng nghề mây tre đan sử dụng lưu huỳnh để sấy sản phẩm cũng gây ô nhiễm.

Bảy là, trình độ quản lý doanh nghiệp, quản lý sản xuất thấp. Phần lớn doanh nghiệp phi nông nghiệp được hình thành từ các hộ gia đình, dần tiến lên các loại hình tổ sản xuất, công ty, doanh nghiệp tư nhân ... Đa phần các doanh nghiệp khởi sự kinh doanh chủ yếu bằng sự năng nổ, nhiệt tình đầu tư, nhiều người chưa được học tập bài bản qua các trường lớp về quản trị kinh doanh; chủ doanh nghiệp phi nông nghiệp thường kinh doanh theo kinh nghiệm. Theo thống kê, trong số chủ doanh nghiệp làng nghề, có khoảng 20% trưởng thành từ trong thực tiễn sản xuất, kinh doanh; 63% chưa qua các trường lớp đào tạo chính quy; chỉ có khoảng 17% có kiến thức về kinh tế, thương mại. Họ cũng không có nhiều thời giờ theo học các trường lớp dài hạn vì phải tập trung cho hoạt động của doanh nghiệp. Chính vì vậy, phương thức kinh doanh cũng khá đơn giản, tùy tiện, nhất là quản lý tài chính, quản lý nhân sự và ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất cũng như vào công tác

quản lý doanh nghiệp. Do trình độ quản lý còn thấp, hiệu quả kinh doanh kém, cho nên đang khó mở rộng kinh doanh, tiếp cận thị trường.

Tám là, các vấn đề môi trường. Có thể nói, các doanh nghiệp và tổ chức hoạt động kinh tế phi nông nghiệp hiện nay ở Việt Nam hầu hết đều không được trang bị các kiến thức cũng như các biện pháp nhằm giảm thiểu các tác động tới môi trường xung quanh. Các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp đang gây ra những ảnh hưởng nghiêm trọng tới môi trường đó là: Ô nhiễm không khí do sử dụng các loại nhiên liệu, hóa chất và vật tư trong sản xuất, chế biến nông sản thực phẩm; Ô nhiễm nguồn nước do nước thải phát sinh từ quá trình sản xuất; Ô nhiễm môi trường đất do các chất thải rắn gây ra, chủ yếu do các tổ chức sản xuất vật liệu xây dựng, làng nghề chế biến giấy, nhựa, may tre đan, chế biến thực phẩm.... Ô nhiễm tiếng ồn do quá trình sản xuất,... Ô nhiễm môi trường do hoạt động kinh tế phi nông nghiệp gây ra tại khu vực nông thôn không chỉ ảnh hưởng trực tiếp gây ra các bệnh nghề nghiệp ảnh hưởng đến sức khỏe và tuổi thọ của người lao động trong khu vực này mà còn ảnh hưởng lớn tới đời sống và sự phát triển kinh tế, xã hội của cư dân nông thôn nói chung.

Tình trạng ô nhiễm nguồn nước, đất đai, không khí ngày càng tăng, nhất là các vùng ven đô thị và khu công nghiệp, các sân golf. Sông Nhuệ, sông Cầu, sông Đáy, sông Thị Vải,... là những điển hình về các dòng sông bị ô nhiễm nghiêm trọng. Lấn trong các khu cư dân nông thôn, sản xuất chăn nuôi và ngành nghề chế biến phát triển đang gây ra tình trạng ô nhiễm ở nhiều nơi, đặc biệt nghiêm trọng là ở các làng nghề sản xuất thép, làm gạch, đồ gốm, thuộc da, chế biến nông sản,... Hậu quả là xuất hiện các “làng ung thư” và gây thiệt hại nghiêm trọng cho các nghề trồng cây ăn quả, nuôi trồng thủy sản... Bên cạnh đó, nhiều tài nguyên tự nhiên bị khai thác bừa bãi cũng dẫn đến tình trạng sụt giảm tính đa dạng sinh học, mất cân bằng sinh thái, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên. Tài nguyên động vật quý hiếm, nguồn nước ngầm, nguồn lợi thủy sản trong nội địa và ở các vùng biển ven bờ, một số loại khoáng sản đã có dấu hiệu bị khai thác quá mức. Thời gian gần đây, thiên tai và dịch bệnh liên tiếp xảy ra cả cho cây trồng và vật nuôi khiến cho tình hình phát triển sản xuất nông nghiệp trở nên kém bền vững. Các tài nguyên thiên nhiên như đất, nước,... ngày càng hạn hẹp, giá lao động tăng dần, giá các vật tư nông sản như phân, thuốc, xăng dầu cũng tăng nhanh.

3. Một số kiến nghị về chính sách và biện pháp phát triển hoạt động kinh tế phi nông nghiệp

Trong giai đoạn đầu của quá trình phát triển, các hoạt động sản xuất nông nghiệp là động lực quan trọng ban đầu để phát triển nông thôn. Tuy nhiên, về lâu

dài, chỉ thúc đẩy phát triển hoạt động sản xuất nông nghiệp đơn thuần sẽ không đủ sức tạo nên chuyển đổi căn bản cho khu vực nông thôn. Phát triển các hoạt động phi nông nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp công nghiệp, dịch vụ nông thôn, là hướng đi hiệu quả trong việc giải quyết công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người nông dân, và tạo nên một động lực thúc đẩy khu vực nông thôn phát triển, làm thay đổi bộ mặt và đẩy mạnh quá trình đô thị hoá nông thôn.

Có rất nhiều chiến lược để phát triển kinh tế phi nông nghiệp, từ chính sách phát triển theo ngành dọc, chính sách tác động trên phạm vi vĩ mô hoặc gián tiếp đầu tư vào cơ sở hạ tầng... Điều cần thiết là phải tăng lợi thế cạnh tranh ở các khu vực nông thôn, nhằm tạo ra một môi trường đầu tư hấp dẫn ở nông thôn. Cải thiện cơ sở hạ tầng, dịch vụ phục vụ, nguồn nhân lực, quỹ đất, việc cung cấp điện nước phải thuận tiện và cạnh tranh được với đô thị. Đầu tư các nguồn lực để thu hút đầu tư vào các khu vực miền núi xa xôi phải có những quyết định mang tính chính trị cứng rắn. Nếu thực sự muốn phát triển kinh tế phi nông nghiệp tại nông thôn, Chính phủ phải đầu tư lớn vào nông thôn và chia sẻ bớt đầu tư cho đô thị, giảm hỗ trợ cho các doanh nghiệp lớn của Nhà nước,... Đây được xem như là một cú huých quan trọng để tạo nên sự chuyển biến về chất trong quá trình phát triển kinh tế nông thôn. Bên cạnh đó các hoạt động dịch vụ - thương mại – du lịch cũng cần được mở rộng và nâng lên với một cấp độ mới.

Như vậy, muốn thúc đẩy sự phát triển của khu vực kinh tế phi nông nghiệp, trong thời gian tới cần chú ý những vấn đề sau:

Một là, thay đổi nhận thức về tầm quan trọng của phát triển hoạt động kinh tế phi nông nghiệp. Mục tiêu phát triển của Việt Nam từ nay tới năm 2020 cơ bản trở thành nước một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nên việc đẩy mạnh phát triển các ngành kinh tế phi nông nghiệp ở nông thôn là một nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Chỉ như vậy mới có thể tạo ra nhiều công ăn việc làm, giảm thiểu thời gian nông nhàn, từ đó rút ngắn sự chênh lệch về khả năng phát triển kinh tế giữa thành thị và nông thôn, góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế nhằm đạt được các mục tiêu kinh tế - xã hội đã đề ra.

Điều quan trọng là các ngành phi nông nghiệp nông thôn phải phục vụ đắc lực cho việc tham gia sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông lâm, thủy sản. Do vậy, cần tập trung vốn đầu tư cho công nghiệp chế biến, nhất là khâu đổi mới máy móc và thiết bị công nghệ mới. Đó là yếu tố quan trọng để hạ giá thành và nâng cao chất lượng hàng hóa nhằm nâng cao vị thế của hàng nông sản Việt Nam trên thị trường khu vực và thế giới. Hơn nữa, phát triển các ngành phi nông nghiệp ở nông thôn phải

được đặt trong mối tương quan với chiến lược phát triển các ngành khác trên phạm vi cả nước nhằm sử dụng, khai thác các lợi thế so sánh và tối ưu hóa các nguồn lực xét trên phạm vi tổng thể của nền kinh tế. Các doanh nghiệp ở nông thôn sẽ là vệ tinh cho các doanh nghiệp lớn trong việc gia công, lắp ráp các sản phẩm công nghiệp. Từ đó, sẽ có điều kiện thực hiện tốt chuyển giao công nghệ và kinh nghiệm quản lý giữa các thành phần kinh tế với nhau. Đây được coi là một giải pháp rất quan trọng để chuyển nền kinh tế từ chỗ dựa trên lao động thủ công sang lao động cơ khí, từ đó tạo ra bước phát triển đồng đều giữa các ngành và các lĩnh vực của nền kinh tế.

Hai là, Chính phủ cần sớm xây dựng chiến lược phát triển hoạt động kinh tế phi nông nghiệp mang tầm vóc quốc gia theo hướng liên kết, đan xen giữa các vùng, các miền, các khu vực trong cả nước với nhau nhằm khai thác và tối ưu hóa việc sử dụng các nguồn lực. Đặc biệt là nguồn nhân lực có trình độ tay nghề cao; từ đó tạo ra một không gian kinh tế rộng lớn đối với khu vực kinh tế nông thôn, nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế ở khu vực nông thôn lên một cấp độ mới theo cơ chế thị trường. Việc phát triển các ngành nghề phi nông nghiệp cần đặt trong bối cảnh nền kinh tế đất nước đang chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Điều đó có nghĩa là các sản phẩm thủ công – mỹ nghệ phải chủ yếu hướng về xuất khẩu. Do đó công tác xúc tiến thương mại nhằm tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm trở thành điểm mấu chốt, vì chỉ có tiêu thụ được sản phẩm của mình thì các ngành nghề phi nông nghiệp mới có thể tồn tại và phát triển.

Chính phủ cần cân nhắc các ưu nhược điểm của chiến lược phát triển kinh tế nông nghiệp và phi nông nghiệp để chọn lựa một mô hình phù hợp với sự phát triển của nông thôn Việt Nam.

Bảng 2: Ưu và nhược điểm của các chiến lược phát triển nông thôn

Chiến lược phát triển nông thôn	Ưu điểm	Nhược điểm
Tập trung hỗ trợ nông hộ	- Đối tượng phục vụ là các hộ nghèo - Đảm bảo an ninh lương thực - Giảm nhập khẩu lương thực - Gắn với tăng trưởng kinh tế phi nông nghiệp	- Khó cạnh tranh với các sản phẩm nhập khẩu được trợ cấp. - Chỉ tốt cho những hộ gia đình có khả năng đa dạng hoá sản xuất - Nhu cầu về đất nông nghiệp tăng vì không nhận được nhiều lợi ích từ cải cách ruộng đất.

		- Nhiều nông hộ nghèo không có đất
Phát triển sản xuất quy mô lớn	- Có tiềm năng phát triển - Tiếp cận được thị trường lao động - Có cơ hội tự do hoá thương mại - Gắn với tăng trưởng kinh tế phi nông nghiệp khu vực nông thôn - Giảm chi phí cho Nhà nước	- Người nghèo không được quan tâm - Lợi ích từ việc giảm đói nghèo không được phân bổ đều - Ít tạo công ăn việc làm cho người nghèo khi tập trung phát triển các ngành sử dụng nhiều vốn và tri thức - Khó cạnh tranh trên các thị trường có nhiều đối thủ cạnh tranh được trợ cấp. - Gây ra những hậu quả về môi trường và xã hội.
Ưu tiên các hoạt động phi nông nghiệp	- Có tiềm năng phát triển - Tiếp cận thị trường lao động - Cơ hội tự do hoá thương mại - Giảm rủi ro cho các nông hộ - Đem lại nhiều lợi ích	- Người nghèo ít được quan tâm - Có thể không công bằng: người nghèo có xu hướng được trả lương thấp hơn - Chi phí đầu tư lớn vào cơ sở hạ tầng, dịch vụ công cộng, - Khả năng rủi ro cao
Di dân ra thành thị	- Chi phí trực tiếp thấp và theo định hướng thị trường - Thu nhập từ thành phố rất quan trọng đối với các hộ gia đình nghèo - Bổ sung cho phát triển nguồn nhân lực. - Phục vụ công nghiệp hoá.	- Lao động nông thôn có tay nghề kém, ít vốn. - Lực lượng lao động như phụ nữ, người già và trẻ em không được quan tâm tới. - Gây ra vấn đề đói nghèo ở khu vực thành thị: vướng mắc và tốn nhiều tiền của. - Gây ra các vấn đề xã hội và quá tải đô thị.
Tăng cường bảo trợ xã hội	- Trực tiếp quan tâm tới người nghèo. - Đạo đức tốt - Gắn với việc tạo thu nhập ổn định và viện trợ nhân đạo cho người nghèo	- Tốn kém tiền của - Chế độ bảo hiểm là vấn đề khó giải quyết - Cách chuyển và phân bổ viện trợ rất phức tạp và tốn kém. - Tồn đọng những vấn đề về chính trị và

		cách thức hoạt động. - Khó quản lý cho hiệu quả và công bằng.
Phát triển theo vùng địa lý	- Cải thiện công tác lập kế hoạch liên ngành. - Nâng cao hiệu quả quản lý - Thông tin nội bộ được sử dụng cho việc lập kế hoạch - Khuyến khích các khoản đầu tư kinh tế và xã hội	- Cần phải phân cấp chính trị - Cần động lực để tăng trưởng kinh tế (liệu nông nghiệp có đủ tiềm lực là yếu tố động lực?) - Tốn kém vì phải xây dựng cơ sở hạ tầng, dịch vụ công cộng.... - Yếu kém về nhân lực, dịch vụ ở cơ sở.
Quản trị và phân quyền cho cơ sở	- "Lấy ý kiến của dân" là rất cần thiết để biết được thái độ của người dân với chính sách. - Đem lại những lợi ích giống như phân quyền - Quản lý tốt là rất cần thiết cho mọi chiến lược	- Liên quan đến các vấn đề kinh tế chính trị phức tạp. - Cần dựa trên mức độ làm chủ của người dân, đầu tư thông tin... - Chi phí cao cho đầu tư nâng cao nguồn nhân lực.
Phối hợp với các nhà tài trợ	Tạo điều kiện thuận lợi cho các chiến lược xóa đói giảm nghèo của quốc gia và hỗ trợ về tài chính.	- Các nhà tài trợ theo đuổi những mục tiêu khác với mục tiêu phát triển nông thôn. - Khó phối hợp giữa các nhà tài trợ. - Khó phối hợp giữa các nhà tài trợ với quốc gia.

Nguồn: Tổng hợp tài liệu

Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh việc thực hiện chủ trương chính sách phát triển “Mỗi làng một nghề”, đây chính là việc cộng đồng dân cư trong mỗi thôn, làng dựa vào thế mạnh của mình xây dựng được ít nhất một dự án phát triển ngành nghề cụ thể. Mục tiêu là tạo dựng, khôi phục và phát triển ít nhất một nghề sản xuất phi nông nghiệp phù hợp với điều kiện địa lý, kinh tế, lợi thế so sánh và hướng phát triển của địa phương.

Ba là, giải quyết nhu cầu về vốn cho hoạt động kinh tế phi nông nghiệp. Thiếu vốn là vấn đề lớn trước mắt của các doanh nghiệp, hộ gia đình nhằm duy trì và mở rộng các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp. Thời gian qua, nhà nước đã có những biện pháp hỗ trợ như giải ngân, hỗ trợ lãi suất, lùi thời hạn trả nợ vay,... Tuy nhiên, hầu hết đều khó tiếp cận được với các nguồn vốn vay ưu đãi, hoặc không đủ các điều kiện để cho vay. Để giải quyết vấn đề này, các ngân hàng nên xem xét điều kiện cho vay theo hiệu quả, doanh số kinh doanh, hoặc xem xét số lượng việc làm được tạo ra trong lĩnh vực hoạt động kinh tế phi nông nghiệp đó. Như vậy, doanh nghiệp tại lĩnh vực này mới tiếp cận được vốn và duy trì việc làm cũng như tạo thêm việc cho người lao động.

Tuy nhiên, theo đánh giá đây cũng chỉ là giải pháp trước mắt chứ chưa giải quyết được triệt để những khó khăn trong việc đảm bảo vốn kinh doanh cho các doanh nghiệp phi nông nghiệp. Do đó, tình trạng thiếu vốn có thể còn nghiêm trọng trong những năm tới. Về lâu dài, các doanh nghiệp làng nghề cần có những phương án kinh doanh hiệu quả, rõ ràng để các ngân hàng tin tưởng và sẵn sàng cho vay. Ngoài ra, cần đa dạng hóa các nguồn vốn, các doanh nghiệp không thể chỉ phụ thuộc vào nguồn tín dụng – vốn đã ít ỏi của các ngân hàng. Trên thực tế có rất nhiều phương thức đa dạng hóa nguồn vốn cho các doanh nghiệp phi nông nghiệp. Ngoài vốn của các ngân hàng, còn vốn của các tổ chức tín dụng khác, các quỹ tín dụng nhân dân, quỹ của các đoàn thể nhân dân (phụ nữ, nông dân,...), quỹ tương trợ của các tổ chức xã hội (các hội, hiệp hội nghề nghiệp, hiệp hội làng nghề...).

Bốn là, đẩy mạnh đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại, tiên tiến vào trong sản xuất kinh doanh. Đối với các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp, đặc biệt là các ngành nghề thủ công nghiệp, các làng nghề việc ứng dụng khoa học và công nghệ là rất cần thiết cho việc nâng cao chất lượng, kiểu dáng, mẫu mã và hạ giá thành của sản phẩm; khắc phục tình trạng quản lý thủ công, đơn giản, áp dụng các thuyết quản lý hiện đại có bài bản từ thấp đến cao phù hợp với trình độ của các tổ chức, góp phần thiết thực vào phát triển doanh nghiệp, các tổ chức.

Năm là, xây dựng và hoàn thiện kết cấu hạ tầng, đây được coi là khâu đột phá trong xây dựng nông thôn mới những năm tới để đảm bảo phát triển các ngành nghề phi nông nghiệp ở nông thôn. Kết cấu hạ tầng yếu kém và xuống cấp đang là một trong những “nút thắt cổ chai” hạn chế việc thu hút đầu tư nhằm phát triển kinh tế của nhiều vùng nông thôn hiện nay. Đến nay vẫn còn 357 xã (trong tổng số 10.477 đơn vị cấp xã) chưa có đường ô tô đến trung tâm; khá nhiều đường liên tỉnh, liên xã xuống cấp nghiêm trọng mà tiền duy tu, bảo dưỡng không đủ. Bên cạnh đó, việc

cung cấp điện không đảm bảo liên tục, việc thiếu điện và cắt điện luân phiên đã gây rất nhiều khó khăn cho các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp ở nông thôn. Trước tình hình đó, việc phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng ở nông thôn (bao gồm giao thông, điện, nước,...) cần được đẩy mạnh, trong đó đặc biệt lưu ý tới giao thông đường bộ, đường thủy, các tuyến đường liên huyện, liên xã, liên thôn. Ngoài ra, cần phải đảm bảo điện sản xuất cho hoạt động kinh tế phi nông nghiệp. Thực tế cho thấy, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đòi hỏi vốn rất lớn, thời gian xây dựng lâu, nếu chỉ dựa vào vốn nhà nước thì sẽ còn nhiều khó khăn, không thể đáp ứng kịp nhu cầu; do đó phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn phải được đẩy mạnh cùng với sự huy động vốn của nhân dân, của các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài bằng nhiều phương thức đầu tư như BOT, PPP,... Muốn vậy, cần có những chính sách khuyến khích, kêu gọi đầu tư hấp dẫn.

Sáu là, xây dựng và phát triển nguồn nhân lực, đây là vấn đề cấp bách đối với sự phát triển của hoạt động kinh tế phi nông nghiệp vì hiện nay đang có tình trạng lao động phi nông nghiệp không thiết tha gắn bó với nghề, thanh niên nông thôn không muốn làm việc tại các vùng nông thôn,... Chính vì vậy, để phát triển hoạt động kinh tế phi nông nghiệp, cần coi trọng việc bồi dưỡng, nâng cao tay nghề cho đội ngũ lao động từ công nhân cho tới đội ngũ lãnh đạo, thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo hộ lao động, bảo vệ sức khỏe, bảo đảm các điều kiện để người lao động gắn bó với nghề.

Việc bồi dưỡng, đào tạo chủ các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực phi nông nghiệp các kiến thức về kinh tế thị trường, về pháp luật trong kinh doanh là rất cấp bách nhằm đảm bảo và nâng cao hơn nữa hiệu quả trong kinh doanh, để kinh doanh đúng luật và cũng để tránh được những vụ kiện cáo có thể xảy ra trên thương trường. Đồng thời cũng cần coi trọng công tác đào tạo các kỹ năng quản lý doanh nghiệp. Dù sức chèo lái doanh nghiệp trong các trường hợp khó khăn, không ngừng nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm làng nghề cũng như của doanh nghiệp làng nghề.

Bảy là, đẩy mạnh sự liên kết giữa các ngành nghề, các địa phương,... trong quá trình phát triển hoạt động kinh tế phi nông nghiệp. Mỗi địa phương có thể tham gia vào chuỗi sản xuất kinh doanh một sản phẩm của một ngành nghề ở những công đoạn khác nhau. Ở cấp tỉnh, cần tập trung nghiên cứu và phát triển chuỗi liên kết này để nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm và giải quyết vấn đề tiêu thụ sản phẩm. Đặc biệt chú trọng đến mối liên kết giữa nơi sản xuất, cung ứng nguyên liệu và nơi sản xuất ra sản phẩm. Phát triển hình thức gia công bán thành phẩm ở các địa phương xung quanh, nhất là các địa phương chưa có nghề phi nông

ngiệp. Đặc biệt, mỗi tỉnh, huyện và xã cần xây dựng trung tâm hỗ trợ phát triển nghề phi nông nghiệp trên địa bàn. Trung tâm này có thể bao gồm một số khu vực như trung bày, lưu giữ các sản phẩm truyền thống cùng với các nội dung văn hoá liên quan; khu vực triển lãm, trình diễn công nghệ sản xuất, khu vực đào tạo thợ trẻ... Mặt khác, các hộ tiểu nông phải liên kết lại với nhau trong các hoạt động hợp tác kinh tế, phải phối hợp với các đối tác khác trong dây chuyền tiếp thị mới có đủ năng lực mặc cả, đầu tư, cạnh tranh với các đối thủ mạnh trong thị trường toàn cầu.

Tám là, phát triển mạnh mẽ thị trường tiêu thụ ở nông thôn, mở rộng các quan hệ thị trường ở cả đầu vào lẫn đầu ra, nhằm thúc đẩy quan hệ hàng hóa – tiền tệ ở khu vực nông thôn lên một cấp độ mới, phải củng cố và mở rộng hoạt động của khu vực chợ nông thôn, các hợp tác xã mua bán. Chính sự hoạt động tích cực và năng động của hệ thống này sẽ làm sôi động thị trường nông thôn, các sản phẩm làm ra dễ tiêu thụ hơn.

Chín là, gắn liền với việc phát triển các ngành phi nông nghiệp ở nông thôn cần thúc đẩy quá trình đô thị hóa tại các thị trấn, các cụm dân cư tại khu vực nông thôn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc hình thành phát triển các khu công nghiệp, khu thương mại và dịch vụ. Đây cũng là một yếu tố quan trọng để thu hút nguồn lực cho nông nghiệp và nông thôn. Muốn vậy, nhà nước cần gia tăng đầu tư vốn cho khu vực kinh tế nông thôn, mà hiện đang còn khá khiêm tốn. Sự đầu tư này, sẽ tác động mạnh mẽ tới đời sống kinh tế nông thôn: Một mặt, tạo nên sự biến đổi về chất trong cơ cấu nguồn nhân lực, với xu hướng chất lượng lao động nguồn lao động ngày càng được nâng cao về mọi phương diện phù hợp với những đòi hỏi mới ngày càng cao của nền kinh tế. Mặt khác, tạo ra sự thay đổi về cơ cấu tiêu dùng ở nông thôn, theo hướng chi tiêu nhiều hơn cho các mặt hàng công nghiệp, và dịch vụ phù hợp với các bước phát triển của nền kinh tế thị trường.

Mười là, có các biện pháp nhằm bảo vệ môi trường, vấn đề cấp bách hiện nay là cải thiện môi trường sống (không khí, nước, đất,...) tại khu vực phi nông nghiệp ở nông thôn. Áp dụng các công nghệ hiện đại trong việc khắc phục ô nhiễm môi trường, khuyến khích sử dụng công nghệ sạch, công nghệ giảm thiểu ô nhiễm môi trường, nhằm giải quyết ô nhiễm. Bên cạnh đó, cần tổ chức đào tạo cho các doanh nghiệp cũng như người lao động về ý nghĩa của việc bảo vệ môi trường và các biện pháp chủ yếu nhằm hạn chế các doanh nghiệp làm ô nhiễm môi trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo Kế hoạch phát triển nông nghiệp – nông thôn 5 năm 2006 – 2010, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2005;
2. Bảo tồn và phát triển làng nghề trong sự nghiệp Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa đất nước, Trung Tâm Thông tin Tư liệu, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, 2009;

3. Cù Chính Lợi, Nguyễn Chiến Thắng, Vũ Hùng Cường, Việc làm phi nông nghiệp nông thôn Việt Nam trong những năm đổi mới, Viện Kinh tế Việt Nam, 2006;
4. Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn giai đoạn 2011 - 2020, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2009;
5. TS. Lê Xuân Bá , Các yếu tố tác động đến quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn Việt Nam, Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương, 2006;
6. Nguyễn Xuân Cường, Quá trình phát triển sản nghiệp hóa nông nghiệp ở Trung Quốc, Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, 2005;
7. Việt Hà, Tìm hiểu thêm về chế độ kinh doanh ngành nghề hóa trong nông nghiệp Trung Quốc, Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, 2007;
8. Website www.vnep.org.vn;
9. Website <http://voer.edu.vn>;
10. Website <http://www.agroviat.gov.vn>;
11. Một số nguồn khác trên báo chí, tạp chí và Internet.